

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHỦ BÀI
PHU BAI SPINNING MILL JOINT
STOCK COMPANY

Số: 315/ICV-SPB
No.: 315/ICV-SPB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. Huế, ngày 25 tháng 08 năm 2026
Hue City, 25th August 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam / Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Vietnam Exchange / Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHỦ BÀI
PHU BAI SPINNING MILL JOINT STOCK COMPANY**
 - Mã chứng khoán/Stock code: SPB / SPB
 - Địa chỉ/Address: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam / Phu Bai Industrial Zone, Phu Bai Ward, Hue City, Vietnam
 - Điện thoại liên hệ/Tel.: (0234)- 3863240; Fax: (0234)- 3863363
 - E-mail: info@phuba spinning.com
2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:
TÀI LIỆU CHÍNH THỨC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG – CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHỦ BÀI
FORMAL DOCUMENTS OF THE EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS – PHU BAI SPINNING MILL JOINT STOCK COMPANY

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/08/2026 tại đường dẫn <https://phuba spinning.com/dai-hoi-dong-co-dong>
This information was published on the Company's website on 25/08/2026, as in the link <https://phuba spinning.com/dai-hoi-dong-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố
We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Phạm Văn Tân

Tài liệu đính kèm / Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố
/ Documents on disclosed information:

- Tài liệu chính thức về ĐHĐCĐ bất thường của Công ty CP Sợi Phú Bài /
Formal Documents of the Extraordinary General Meeting of Shareholders of Phu Bai Spinning Mill Joint Stock Company

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung năm 2024;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, số 312/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/08/2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc Thay đổi Nhân sự Ban Kiểm soát Công ty theo Tờ trình số 309/TTr-HĐQT ngày 24/08/2026

1- Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027 đối với bà Nguyễn Ngọc Mai Chi do có Đơn Từ nhiệm kể từ khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/8/2026.

2- Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp làm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp có đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty kể từ khi kết thúc Đại hội Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/8/2026.

3- Giao Trưởng Ban kiểm soát tổ chức việc phân công công việc của Ban kiểm soát.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/8/2026.

2- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo Pháp luật của Công ty và cổ đông của Công ty chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- CQĐT Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website:
www.phubaipinning.com;
- Lưu VT, KT-TC.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Phạm Văn Tân

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung năm 2024;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, số 312/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/8/2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 310/TTr-HĐQT ngày 24/08/2026 của Hội đồng quản trị về việc:

1- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

2- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

3- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo Pháp luật của Công ty, Trưởng Ban kiểm soát của Công ty tổ chức rà soát, ký ban hành Điều lệ Công ty; Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và thông báo đến cơ quan chức năng (nếu có).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/8/2026.

2- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo Pháp luật của Công ty và cổ đông của Công ty chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- CQĐH Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website:
www.phubaispinning.com;
- Lưu VT, KT-TC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phạm Văn Tân

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2022 và năm 2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung năm 2024;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, số 312/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/8/2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, thông tin cụ thể như sau:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa): PHẠM VĂN TÂN

Ngày, tháng, năm sinh: 30/04/1973

Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001073007442

Ngày cấp: 29/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty

Địa chỉ thường trú: Số 07 ngõ 47 Đội Cấn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Việc thay đổi này dẫn đến sửa đổi Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty, của Điều lệ Tổ chức và hoạt động sửa đổi lần thứ 11.

Điều 2. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến nội dung Thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/8/2026.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo Pháp luật của Công ty và cổ đông của Công ty chịu trách



nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website:
www.phubaispinning.com;
- Lưu VT, KT-TC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phạm Văn Tân



BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 24 tháng 8 năm 2026, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài đã được tiến hành.

Địa điểm: Văn phòng Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (Khu Công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam)

Thành phần tham dự Đại hội:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Cơ quan điều hành Công ty
- Cổ đông của Công ty: Có mặt 06 người (là các cổ đông sở hữu và đại diện theo ủy quyền của 23 cổ đông).
- **Chủ tọa Đại hội:** Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch HĐQT.
- **Thư ký Đại hội:** Ông Nguyễn Tường Huy.

DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH ĐẠI HỘI:

A. KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

- Ông Nguyễn Tường Huy thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.

- Ông Võ Hoàng Phụng - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và người đại diện tham dự Đại hội:

- + Tổng số cổ đông được triệu tập: **176 cổ đông**, đại diện cho **13.300.087 cổ phần**, tương đương 100% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết.
- + Số cổ đông có mặt (trực tiếp hoặc ủy quyền): **06 người**, đại diện cho **23 cổ đông**, sở hữu **9.233.154 cổ phần**, tương ứng **69,42%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài hội đủ điều kiện để tiến hành.

- Ông Nguyễn Tường Huy thay mặt Ban tổ chức trình bày Quy chế tổ chức Đại hội và được Đại hội biểu quyết tán thành với tỷ lệ 100%.

- Ông Phạm Văn Tân - Chủ tọa Đại hội trình bày Chương trình Đại hội và giới thiệu Ban Kiểm phiếu kiêm nhiệm Ban Bầu cử tại Đại hội, gồm:

- + Ông Nguyễn Trung Hiếu: Trưởng Ban
- + Bà Ngô Đan Thanh: Thành viên
- + Ông Nguyễn Tường Huy: Thành viên làm Thư ký.

Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội và bầu Ban Kiểm phiếu kiêm nhiệm Ban Bầu cử tại Đại hội với tỷ lệ tán thành 100%.

B. NỘI DUNG CHÍNH:

Trình bày các Tờ trình:

1. Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc: Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Nguyễn Ngọc Mai Chi. Đề nghị ứng cử, đề cử bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 - 2027 (Có Tờ trình kèm theo).

2. Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về: Đề xuất Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (Có kèm theo Tờ trình).

C. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI:

Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty nhất trí với nội dung các Tờ trình, Kiến nghị đã được trình bày tại Đại hội.

D. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG ĐÃ TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI:

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027 đối với bà Nguyễn Ngọc Mai Chi thôi kể từ khi bế mạc Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/8/2026; bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027, đề thay thế bà Nguyễn Ngọc Mai Chi (Có Tờ trình kèm theo).

Kết quả biểu quyết:

- Số CP có quyền biểu quyết tán thành: 9.233.154, tương đương 100% số CP có quyền biểu quyết.
- Số CP có quyền biểu quyết không tán thành: 0, tương đương 0% số CP có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến: 0%

2. Thông qua nội dung Tờ trình số 310/TTr-HĐQT ngày 24/8/2026 của Hội đồng quản trị về việc:

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

❖ Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, thông tin cụ thể như sau:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa): PHẠM VĂN TÂN

Ngày, tháng, năm sinh: 30/04/1973

Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001073007442

Ngày cấp: 29/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty

Địa chỉ thường trú: Số 07 ngõ 47 Đội Cấn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Việc thay đổi này dẫn đến sửa đổi Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty, của Điều lệ Tổ chức và hoạt động sửa đổi lần thứ 11.



* Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến nội dung Thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết:

- | |
|---|
| - Số CP có quyền biểu quyết tán thành: 9.233.154, tương đương 100% số CP có quyền biểu quyết. |
| - Số CP có quyền biểu quyết không tán thành: 0, tương đương 0% số CP có quyền biểu quyết |
| - Không có ý kiến: 0% |

E. BẦU CỬ VÀ THÔNG QUA KẾT QUẢ BẦU CỬ BỔ SUNG 01 THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Đại hội tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027

1. Thông qua Quy chế Bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài nhiệm kỳ 2022 - 2027 (Có Quy chế Bầu cử kèm theo)

Kết quả biểu quyết:

- | |
|---|
| - Số CP có quyền biểu quyết tán thành: 9.233.154, tương đương 100% số CP có quyền biểu quyết. |
| - Số CP có quyền biểu quyết không tán thành: 0, tương đương 0% số CP có quyền biểu quyết |
| - Không có ý kiến: 0% |

2. Thông qua Danh sách ứng cử viên tham gia bầu cử bổ sung vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài nhiệm kỳ 2022 - 2027 (Có Tờ trình kèm theo)

Đến thời điểm tổ chức Đại hội, chỉ có 01 ứng cử viên do Cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đề cử là Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

* Có kèm theo hồ sơ của ứng cử viên Nguyễn Thị Ngọc Diệp để bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài nhiệm kỳ 2022 - 2027.

Kết quả biểu quyết:

- | |
|---|
| - Số CP có quyền biểu quyết tán thành: 9.233.154, tương đương 100% số CP có quyền biểu quyết. |
| - Số CP có quyền biểu quyết không tán thành: 0, tương đương 0% số CP có quyền biểu quyết |
| - Không có ý kiến: 0% |

3. Đại hội thực hiện Bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027 và thông qua kết quả bầu cử. Cụ thể như sau:

❖ **Kết quả bầu cử:** Ông Nguyễn Trung Hiếu - Trưởng Ban Kiểm phiếu kiêm nhiệm Ban Bầu cử công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027:

- + Ứng viên đã trúng cử vào Ban Kiểm soát Công ty là bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, với tỷ lệ phiếu bầu 100%.
- + Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ 2022 - 2027 có đủ số lượng 03 thành viên gồm: Bà Trần Thị Thu Hằng - Trưởng Ban kiểm soát, Ông

720-C
TỶ
ÂN
BÀI
TÁNH P

Võ Hoàng Phụng và bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp giữ vai trò là thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Kết quả biểu quyết:

- Số CP có quyền biểu quyết tán thành: 9.233.154, tương đương 100% số CP có quyền biểu quyết.
- Số CP có quyền biểu quyết không tán thành: 0, tương đương 0% số CP có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến: 0%

F. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI:

1. Ông Nguyễn Tường Huy - Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/8/2026 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

2. Chủ tọa Đại hội xin ý kiến và được Đại hội nhất trí thông qua các nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội, với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội biểu quyết tán thành.

3. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung đã được Đại hội thông qua, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

G. BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

Ông Phạm Văn Tân - Chủ tọa tổng kết và tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/8/2026 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài vào lúc 12 giờ 00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Nguyễn Tường Huy

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Phạm Văn Tân

*** Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT HN;
- UBCKNN;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Cơ quan điều hành Công ty;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website;
www.phubaispinning.com;
- Lưu VT, KT-TC.



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
PHU BAI SPINNING MILL JSC

Địa chỉ: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam
Điện thoại: 0234-3863240 • Email: info@phubaispinning.com
Website: www.phubaispinning.com

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Huế, ngày 24 tháng 08 năm 2026

TP. Huế, ngày 24 tháng 08 năm 2026

**QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

1- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi là “Đại hội”).

2- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các Cổ đông (Cổ đông/đại diện Cổ đông) tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông

1- Điều kiện tham dự Đại hội:

Các Cổ đông của Công ty theo Danh sách chốt đến hết ngày 24/07/2026 (ngày đăng ký cuối cùng) có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự Đại hội.

2- Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tham dự Đại hội:

2.1- Quyền lợi:

- Được tham gia ý kiến, thảo luận và biểu quyết thông qua tất cả các vấn đề tại Phiên họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Sợi Phú Bài;

- Được thông báo công khai và/hoặc cung cấp toàn bộ nội dung Chương trình Đại hội, Tài liệu Đại hội, ...

- Được nhận 01 Thẻ Biểu quyết màu Trắng và 01 Phiếu biểu quyết màu Xanh và 01 Phiếu bầu cử màu Hồng (đã được Công ty in sẵn, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền tại Đại hội, kèm theo bộ Tài liệu ĐHĐCĐ bất thường).

* Phiếu biểu quyết ghi tên Cổ đông, hoặc tên đại diện được ủy quyền biểu quyết, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm: số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện ủy quyền). Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết = Tổng số cổ phần sở hữu + Số cổ phần đại diện ủy quyền (nếu có);

2.2- Nghĩa vụ:

- Phải có mặt đúng thời gian quy định và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông: xuất trình Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước; Giấy xác nhận tham dự / Ủy



quyền tham dự Đại hội hợp lệ theo mẫu của Công ty, có chữ ký & ghi rõ họ tên của Cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội.

- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội: Tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội; Ứng xử văn minh, lịch sự và không gây mất trật tự;

- Biểu quyết thông qua từng nội dung ghi rõ trong Phiếu biểu quyết sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội; Tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;

*** Ghi chú:**

- Đại diện ủy quyền của Cổ đông không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

- Cổ đông / đại diện Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để Cổ đông/đại diện Cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng.

- Cổ đông / đại diện Cổ đông tự túc về các chi phí để tham dự Đại hội (phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi,...).

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội: Kiểm tra giấy tờ tùy thân, Giấy mời, Giấy xác nhận tham dự / Ủy quyền tham dự Đại hội;

- Phát cho Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp các tài liệu Đại hội, phiếu biểu quyết,...;

- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu và Ban Bầu cử:

Hội đồng quản trị Công ty đề cử Thư ký và Ban kiểm phiếu kiêm nhiệm Ban bầu cử để Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.

1- Chủ tọa Đại hội:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.

- Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội;

- Chủ tọa có thể hoãn họp Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội Cổ đông mặc dù đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết;

- Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động khi thấy cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

b) Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm:

- Điều hành hoạt động của Đại hội theo nội dung dự kiến sẽ được Đại hội thông qua;

- Hướng dẫn các Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền tiến hành thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết thông qua;

2- Thư ký Đại hội:

a) Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng Cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.

b) Thư ký Đại hội có nhiệm vụ thực hiện các nội dung công việc theo sự phân công của Chủ tọa Đại hội, gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và các vấn đề được thảo luận tại Đại hội;

- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội;

- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của các Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và chuyển cho Chủ tọa Đại hội quyết định;

3- Ban Kiểm phiếu biểu quyết và Ban bầu cử tại Đại hội:

a) Ban Kiểm phiếu kiêm nhiệm Ban bầu cử của Đại hội có 02 người, gồm có 01 Trưởng Ban và 01 Thành viên kiêm Thư ký do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

b) Ban Kiểm phiếu kiêm nhiệm Ban bầu cử có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn Cổ đông đến tham dự Đại hội cách sử dụng Phiếu biểu quyết; Thẻ lệ bầu cử;

- Kiểm tra và ghi nhận kết quả biểu quyết của các Cổ đông và đại diện Cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;

- Lập biên bản kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử và công bố kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử trước Đại hội;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu bầu cử;

- Bàn giao biên bản kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử cùng toàn bộ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử cho Thư ký hoặc Chủ tọa Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6: Điều kiện tiến hành Đại hội

Phiên họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường được tiến hành khi có số Cổ đông/ đại diện Cổ đông dự họp, đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, theo danh sách Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài được lập tại thời điểm chốt danh sách Cổ đông (ngày 24/07/2026) để triệu tập họp Đại hội.

Điều 7: Cách thức tiến hành Đại hội

1- Đại hội lần lượt thảo luận và biểu quyết thông qua từng vấn đề trong chương trình, nội dung phiên họp sẽ được Đại hội thông qua.

1.1- Nguyên tắc phát biểu ý kiến, thảo luận tại Đại hội:

a) Cổ đông hoặc đại diện Cổ đông khi cần phát biểu ý kiến thì giơ tay, hoặc đăng ký phát biểu ý kiến bằng phiếu đặt câu hỏi gửi cho Thư ký Đại hội để trình lên Chủ tọa Đại hội xem xét. Việc phát biểu, thảo luận được thực hiện dưới sự điều hành của Chủ tọa.

b) Nội dung phát biểu ý kiến hoặc thảo luận, chất vấn, giải trình của các Cổ đông yêu cầu ngắn gọn, đi vào nội dung chính trong chương trình, nội dung Đại hội. Do thời gian của Đại hội có hạn, đề nghị các đại biểu và Cổ đông tại Đại hội khi phát biểu, chất vấn theo thời lượng như sau:

- + Thời gian đặt câu hỏi, chất vấn: không quá 2 phút/lần;

- + Thời gian trả lời giải trình: trong vòng 5 phút/lần

c) Chỉ các ý kiến phát biểu, thảo luận phù hợp với chương trình, nội dung đã được Đại hội thông qua mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

1.2- Giải đáp ý kiến:

a) Trên cơ sở phiếu câu hỏi của Cổ đông, hoặc đại diện theo ủy quyền, Chủ tọa Đại hội hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền.

b) Trong trường hợp do có giới hạn về thời gian tổ chức, các vấn đề phức tạp chiếm thời gian quá dài sẽ được Công ty giải trình bằng văn bản đến các Cổ đông sau Đại hội.

1.3- Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

a) Thể lệ biểu quyết: Cứ 01 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương với 01 Phiếu biểu quyết. Tại ngày chốt danh sách Cổ đông (ngày 24/07/2026), tổng số cổ phần của Công ty là 13.300.087 cổ phần, tương đương với 13.300.087 Phiếu biểu quyết.

b) Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Các Cổ đông, hoặc đại diện theo ủy quyền biểu quyết từng vấn đề bằng cách ghi hoặc đánh dấu trực tiếp từng nội dung cần được thông qua trong Phiếu biểu quyết của Đại hội.

c) Phiếu đã biểu quyết xong phải được nộp trực tiếp cho Ban Kiểm phiếu.

d) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra và ghi nhận số phiếu “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến” của từng nội dung và báo cáo kết quả kiểm Phiếu biểu quyết trước Đại hội.

1.4- Bầu cử : Theo Quy chế bầu cử trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 8: Kết thúc phiên họp Đại hội đồng Cổ đông

1- Thông qua Nghị quyết / Quyết định của Đại hội:

a) Các Nghị quyết/Quyết định được thông qua khi được số Cổ đông đại diện từ **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo Giấy ủy quyền tham dự Đại hội chấp thuận.

b) Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu; theo đó, mỗi Cổ đông, đại diện theo ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử của Đại hội đồng Cổ đông.

c) Các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực (ngay khi cả trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết/Quyết định đó không thực hiện đúng như quy định).

2- Thông qua Biên bản và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội:

a) Biên bản và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

b) Chủ tọa ký ban hành Biên bản và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội; giao Công ty lưu giữ theo quy định.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9: Điều khoản thi hành

1- Các Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và các bên tham gia Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế Tổ chức Đại hội.

2- Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình.

*** Nơi nhận:**

- Các Cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Người công bố thông tin;
- Đăng Website:
www.phubaispinning.com;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
Địa chỉ: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam
Điện thoại: 0234- 3863240; Email: info@phubaipinning.com
Website: www.phubaipinning.com

Huế, ngày 24 tháng 08 năm 2026

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

- Thời gian tổ chức: lúc 09 giờ 00 phút ngày 24/08/2026 (Thứ Hai)
- Địa điểm: Phòng họp tầng 2 – Nhà Điều hành Công ty CP Sợi Phú Bài

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
I- THỦ TỤC KHAI MẠC:		
8g30 – 8g50	- Đón tiếp đại biểu - Kiểm tra tư cách Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền	- Ban tổ chức - Ban kiểm tra tư cách Cổ đông
8g50 – 9g00	- Tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức
	- Báo cáo Kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông	Ban kiểm tra tư cách Cổ đông
	- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội - Giới thiệu Chủ tọa Đại hội	Ban tổ chức
	- Giới thiệu và bầu Thư ký; - Giới thiệu và bầu Ban kiểm phiếu tại Đại hội - Thông qua Chương trình Đại hội	Chủ tọa Đại hội
II- NỘI DUNG HỌP:		
9g00 – 10g00	Trình bày các Tờ trình: 1- Tờ trình về việc: + Miễn nhiệm Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi thôi giữ chức danh thành viên Ban Kiểm soát Công ty; + Bầu bổ sung 01 Thành viên Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027, để thay thế Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi.	Chủ tịch HĐQT
	2- Tờ trình về: Đề xuất Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động và Quy chế Nội bộ về Quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, ... nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.	Chủ tịch HĐQT
10g00 – 10g15	Đại hội nghỉ giải lao	
10g15 – 10g45	Thảo luận	Chủ tọa Đại hội
	Biểu quyết thông qua các Tờ trình tại Đại hội	Chủ tọa Đại hội
	Bầu bổ sung 01 Thành viên Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ 2022 – 2027	Chủ tọa Đại hội
10g45 – 11g00	+ Kiểm Phiếu Biểu quyết và Công bố Kết quả + Kiểm Phiếu Bầu cử và Công bố Kết quả	Trưởng Ban kiểm phiếu kiêm Ban bầu cử tại Đại hội
11g00 – 11g10	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	- Thư ký Đại hội - Chủ tọa Đại hội



Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
III- TỔNG KẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI		
11g10 – 11g20	Phát biểu Tổng kết và bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội

Trân trọng kính trình./.

*** Nơi nhận:**

- Các Cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Người công bố thông tin;
- Đăng Website:
www.phubaispinning.com;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Tân



Số: 309/TTr-HĐQT

Huế, ngày 24 tháng 08 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Miễn nhiệm Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi thôi giữ chức danh thành viên Ban Kiểm soát và Đề nghị ứng cử, đề cử bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Vừa qua, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty có nhận được Đơn xin từ nhiệm của bà Nguyễn Ngọc Mai Chi xin Thôi nhiệm khỏi chức danh Thành viên Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ: 2022 - 2027 tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

* **Lý do:** Do thường xuyên bận rộn xử lý khối lượng lớn công việc chuyên môn tại Công ty nên bà Mai Chi không thể tiếp tục kiêm nhiệm vai trò thành viên Ban Kiểm soát Công ty.

Nay, Hội đồng Quản trị xin thông báo về tình huống trên và kính đề nghị Quý vị Cổ đông thực hiện các thủ tục sau đây tại Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty:

- 1- Miễn nhiệm bà Nguyễn Ngọc Mai Chi thôi giữ chức danh Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài từ sau khi bế mạc Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty.
- 2- Bầu bổ sung 01 Thành viên Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027, để thay thế bà Nguyễn Ngọc Mai Chi.

* **Nội dung cần thực hiện:**

a) Tất cả các Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 và 4 Điều 27; Khoản 1 Điều 39 và Khoản 2 Điều 40 Điều lệ Công ty có quyền tự ứng cử hoặc đề cử ứng viên vào chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty.

b) Hồ sơ đề cử, ứng cử (theo mẫu của Ban Tổ chức Đại hội), gồm có:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027;
- Sơ yếu lý lịch Ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027.

* **Ứng cử viên sau khi đã trúng cử cần phải hoàn thiện ngay Bản cung cấp thông tin Thành viên Ban Kiểm soát Công ty vừa trúng cử nhiệm kỳ 2022 – 2027 để Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.**

- Bản sao Căn cước / Căn cước công dân / Hộ chiếu;
- Bản sao Bằng cấp, Chứng chỉ chuyên môn của Ứng cử viên;
- Hồ sơ khác (nếu có).

* **Lưu ý:** Đơn ứng cử, đề cử và hồ sơ Ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty (theo biểu mẫu đính kèm sau đây) phải được gửi về Ban tổ chức Đại hội **trước 15g30' ngày 19/08/2026.**

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- TV. HĐQT Cty;
- TV. BKS Cty;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, KT-TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ NICH



Phạm Văn Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 09 tháng 06 năm 2026



ĐƠN TỪ NHIỆM

Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty CP Sợi Phú Bài

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sợi Phú Bài
- Ban Kiểm soát Công ty CP Sợi Phú Bài
- Hội đồng Quản Trị Công ty CP Sợi Phú Bài

Tôi tên là: NGUYỄN NGỌC MAI CHI, hiện đang giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ: 2022 - 2027.

Tôi kính trình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài xem xét và chấp thuận nội dung kiến nghị của cá nhân tôi, như sau:

Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát, tôi luôn nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được giao và rất trân trọng sự tin tưởng, hỗ trợ của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị Công ty.

Tuy nhiên, vì lý do cá nhân và để tập trung vào công việc chuyên môn phù hợp hơn với năng lực và định hướng của bản thân tại Công ty CP Sợi Phú Bài nên tôi kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị Công ty cho phép tôi từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

Rất mong nhận được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

Trân trọng.

Kính đơn

Nguyễn Ngọc Mai Chi

QUY CHẾ

**BẦU BỔ SUNG 01 THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN
SỢI PHÚ BÀI, NHIỆM KỲ 2022 – 2027**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Sợi Phú Bài;

Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài quy định Quy chế bầu bổ sung 01 Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ 2022 – 2027. Nội dung như sau:

Điều 1: Nguyên tắc bầu cử

- 1.1- Bầu cử đúng Luật, đúng Điều lệ Công ty, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả Cổ đông.
- 1.2- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- 1.3- Phương thức bầu dồn phiếu.
- 1.4- Mỗi Cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sẽ được phát một (01) Phiếu Bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát (màu Hồng); trong đó có ghi rõ: tên Cổ đông, hoặc tên Đại diện được ủy quyền bầu cử; Tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 2: Đối tượng thực hiện bầu cử

Tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, hoặc Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội (theo Danh sách Cổ đông chốt ngày 24/07/2026).

Điều 3: Điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty

3.1- Điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát:

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần theo Danh sách chốt Cổ đông ngày 24/07/2026 đều có quyền biểu quyết hoặc có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng Cổ đông lại với nhau để đề cử ứng viên hoặc tự ứng cử tham gia vào vị trí Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027 của Công ty.

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 27, Khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty CP Sợi Phú Bài:
- Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên;

* Ứng cử viên tham gia ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát phải đảm bảo đáp ứng điều kiện và tiêu chuẩn theo Khoản 2 Điều 40 Điều lệ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài. Cụ thể như sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được giữ các chức vụ điều hành trong Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động trong Công ty.
- c. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- d. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- e. Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.

3.2- Hồ sơ đề cử, ứng cử (theo mẫu của Ban Tổ chức Đại hội), gồm có:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử tham gia Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027;
- Sơ yếu lý lịch ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027.
** Ứng cử viên sau khi đã trúng cử cần phải hoàn thiện ngay Bản cung cấp thông tin thành viên Ban Kiểm soát Công ty vừa trúng cử nhiệm kỳ 2022 – 2027 để Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.*
- Bản sao Căn cước / Căn cước công dân / Hộ chiếu;
- Bản sao Bằng cấp, Chứng chỉ chuyên môn của Ứng cử viên;
- Hồ sơ khác (nếu có).

*** Lưu ý:** - Hồ sơ của Ứng cử viên được xem là hợp lệ khi nộp đầy đủ cho Ban Tổ chức Đại hội các mục hồ sơ nêu trên **trước 15g30' ngày 19/08/2026.**

- Nơi nhận Hồ sơ đề cử, ứng cử của Ứng cử viên: Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam)

3.3- Căn cứ Hồ sơ đề cử hoặc ứng cử của các Cổ đông, nhóm Cổ đông, Ban Tổ chức Đại hội lập Danh sách Ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn tại Điều 3.1 của Quy chế này và trình Đại hội đồng Cổ đông tiến hành bầu cử.

Điều 4: Số lượng và tiêu chuẩn Thành viên Ban Kiểm soát cần bầu bổ sung

4.1- Số lượng: 01 Thành viên Ban Kiểm soát.

4.2- Thành viên Ban Kiểm soát phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo Khoản 4 Điều 27, Khoản 2 Điều 40 của Điều lệ Công ty.

Điều 5: Phương thức bầu cử

5.1- Việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện tại Phiên họp ĐHĐCĐ Bất thường của Công ty CP Sợi Phú Bài.

5.2 - Căn cứ theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020, việc bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu; theo đó, mỗi Cổ đông/đại diện được ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết bầu cử (Phiếu bầu) tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng Thành viên Ban Kiểm soát được bầu. Cổ đông/Đại diện được ủy quyền có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho

Thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành trình tự theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 6: Hình thức tiến hành bầu cử

6.1- Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu:

a) Mỗi Cổ đông/Đại diện được ủy quyền dự họp được cấp 01 Phiếu bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát (phiếu màu Hồng). Trên mỗi phiếu bầu, Ban bầu cử ghi rõ **Tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của Cổ đông**.

+ Phiếu bầu hợp lệ: Là phiếu in sẵn, do Ban tổ chức Đại hội phát ra có đóng dấu “Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài”. Trên mỗi lá phiếu có ghi rõ: tên Cổ đông, hoặc tên đại diện được ủy quyền bầu cử; Tổng số phiếu biểu quyết.

+ Phiếu bầu không hợp lệ: Là phiếu vi phạm một trong số các điều kiện sau:

- Phiếu không phải do ban tổ chức phát hành, không đóng dấu Công ty.
- Phiếu không bầu ai (phiếu trắng);
- Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách Ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu bầu có tổng số phiếu biểu quyết đã bầu cho các Ứng cử viên (do người bầu tự cộng hoặc do Ban Kiểm phiếu cộng lại phát hiện) lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết đã ghi sẵn trên phiếu.

b) Các Cổ đông/ Đại diện được ủy quyền điền số phiếu biểu quyết cho Thành viên mà mình tin nhiệm sao cho tổng số phiếu bầu của các thành viên phải bằng hoặc thấp hơn tổng số quyền biểu quyết của mỗi Cổ đông. Trường hợp Cổ đông/đại diện được ủy quyền trong quá trình ghi phiếu bầu bị nhầm lẫn (với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu) thì trực tiếp gặp Ban Tổ chức để được đổi lại Phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ nhằm đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông.

6.2- Cách thức bầu cử:

a) Xác định tổng số phiếu biểu quyết của một Cổ đông (hoặc đại diện Cổ đông). Tổng số phiếu biểu quyết của một Cổ đông (hoặc đại diện Cổ đông) được xác định như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết	=	Tổng số cổ phần nắm giữ và/ hoặc ủy quyền đại diện	x	Số thành viên được bầu
---------------------------------	----------	---	----------	-------------------------------

Ví dụ:

Cổ đông X đang sở hữu 2.000 cổ phần và được ủy quyền tham dự Đại hội 3.000 cổ phần. Vậy, Tổng số cổ phần Cổ đông X được biểu quyết tại Đại hội là: 5.000 cổ phần và Tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của Cổ đông X như sau:

- Tổng số phiếu bầu bổ sung Thành viên HĐQT : $5.000 \times 2 = 10.000$ phiếu
- Tổng số phiếu bầu bổ sung Thành viên BKS : $5.000 \times 1 = 5.000$ phiếu

b) Cách thức bầu cử:

- Thực chất, việc bỏ phiếu là phân phối toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số các Ứng cử viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi Ứng cử viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tin nhiệm đối với Ứng cử viên đó.

- Mỗi Cổ đông/ đại diện được ủy quyền tiến hành chọn Ứng cử viên bằng cách ghi số phiếu biểu quyết của mình cho từng Ứng cử viên mình chọn, sao cho tổng cộng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng viên mà Cổ đông chọn bằng hoặc nhỏ hơn với tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông. Cổ đông có thể dồn hết số phiếu cho 01 Ứng cử viên, hoặc chia ra cho một số Ứng cử viên trong danh sách.

- Trong trường hợp muốn sửa đổi, phải gạch bỏ đề ngang lên số phiếu biểu quyết đã ghi sai, ký tên ngay bên cạnh chỗ đã gạch bỏ và ghi lại số phiếu biểu quyết đúng.

Ví dụ: Cổ đông X có thể sử dụng tất cả số phiếu của mình để bầu cho 1, 2, 3, ... Ứng cử viên; Hoặc sử dụng ít hơn tổng số phiếu để bầu cho các Ứng cử viên. Nếu dùng quá tổng số phiếu thì phiếu bầu của Cổ đông X sẽ là phiếu không hợp lệ. Cụ thể:

Khi bầu cử 01 Thành viên Ban kiểm soát, Ông X có thể chia tổng số phiếu biểu quyết của mình là 5.000 phiếu cho các Ứng cử viên trong danh sách. Ví dụ:

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn D	3.000
2	Nguyễn Văn E	1.000
3	Nguyễn Văn F	1.000

Hoặc: Ông X có thể bầu dồn toàn bộ số phiếu của mình cho một (01) Ứng cử viên

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn D	5.000
2	Nguyễn Văn E	
3	Nguyễn Văn F	

Điều 7: Ban Kiểm phiếu

7.1- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong Danh sách đề cử và ứng cử vào Ban Kiểm soát.

7.2- Việc kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu dưới sự giám sát của Cổ đông.

7.3- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Cổ đông (nếu có).

7.4- Phiếu bầu cử và tài liệu kiểm phiếu sẽ được Trưởng ban kiểm phiếu niêm phong lại sau khi kiểm và chỉ được mở ra kiểm tra khi có yêu cầu của Đại hội Cổ đông của Công ty.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát:

8.1- Ứng viên trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát được chọn theo số phiếu bầu từ cao đến thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định.

8.2- Trường hợp có những Ứng cử viên cùng đạt số phiếu bầu ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu nhiều cổ phiếu SPB hơn sẽ được chọn. Nếu số lượng cổ phiếu sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức để bầu lại giữa các Ứng cử viên này để chọn.

Điều 9: Giải quyết khiếu nại

9.1- Mỗi Cổ đông/ Đại diện được ủy quyền đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan về công tác bầu cử, nếu xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

9.2- Trong trường hợp có thắc mắc, khiếu nại về thủ tục hoặc kết quả bầu cử, Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến ngay tại Đại hội để Chủ tọa Đại hội xem xét, quyết định ngay tại Đại hội.

9.3- Cổ đông/ Đại diện được ủy quyền không được phản đối kết quả bầu cử sau khi Đại hội đã kết thúc.

Điều 10: Công bố Thành viên mới của Ban Kiểm soát Công ty

Khi đã được Đại hội đồng Cổ đông bầu chọn, Thành viên mới của Ban Kiểm soát Công ty CP Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ 2022 – 2027 sẽ được ghi đầy đủ họ & tên và chức danh vào Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ Bất thường của Công ty.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty biểu quyết thông qua.

*** Nơi nhận:**

- Các Cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phạm Văn Tân



CÔNG TY CP SỢI PHÚ BÀI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 311/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Huế, ngày 24 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Danh sách Ứng cử viên tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ 2022 – 2027

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Danh sách Ứng cử viên tham gia bầu cử bổ sung vào Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027:

Hiện tại, mới chỉ có 01 Ứng cử viên do Cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX) đề cử là Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

** Có kèm theo Hồ sơ của Ứng cử viên Nguyễn Thị Ngọc Diệp tham gia vào vị trí Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ 2022 – 2027.*

Trân trọng kính trình.

*** Nơi nhận:**

- Các Cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT.



Phạm Văn Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Địa chỉ: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại: 0234- 3863240;

Email: info@phubaispinning.com

Website: www.phubaispinning.com

**ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI, NHIỆM KỲ 2022 – 2027**

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Sợi Phú Bài
- Hội đồng Quản trị Công ty CP Sợi Phú Bài
- Ban Kiểm soát Công ty CP Sợi Phú Bài

Tên Tổ chức đề cử: **TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM (VINATEX)**

Mã số doanh nghiệp: 0100100008, Đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010

Nơi cấp: Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp

Địa chỉ: 25 Bà Triệu – Phường Cửa Nam – Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024- 38257700

Số cổ phiếu sở hữu: **8.076.800 cổ phần**, chiếm **60,73%** tổng số cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Và được ủy quyền: Không cổ phiếu, chiếm Không % tổng số cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Xét thấy phù hợp đủ các điều kiện được quy định trong Khoản 2 và 4 Điều 27; Khoản 1 Điều 39 và Khoản 2 Điều 40 – Điều lệ Công ty, Chúng tôi lập đơn này đề nghị cho Chúng tôi được đề cử:

Bà **NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP**

Số CCCD: 046197000947 Ngày cấp: 22/4/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 3/10 Dương Khuê, Tổ dân phố Phú Nam 1, phường Hương Thủy, Thành phố Huế.

Điện thoại: 0359325136 Email: diepntn@phubaispinning.com

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Kinh doanh Quốc tế

Sở hữu và được đại diện: Không cổ phiếu, chiếm Không % tổng số cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Làm ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ 2022 – 2027 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

Chúng tôi cam đoan các thông tin nêu trên và hồ sơ cá nhân kèm theo đều hợp pháp. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

CỔ ĐÔNG

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai

2. Bản sao hợp lệ Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu

và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên



TỔNG GIÁM ĐỐC

Cao Hữu Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho Ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài,
nhiệm kỳ 2022 – 2027)

1. Về bản thân:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Diệp
- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1997
- Số CC/CCCD/Hộ chiếu: 046197000947 Ngày cấp 22/04/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội
- Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Thủy Châu, Phường Hương Thủy, Thành phố Huế
- Địa chỉ liên lạc: Công ty Cổ Phần Sợi Phú Bài (Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam)
- Điện thoại: 0359325136
- Email: diepntn@phubaispinning.com
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Kinh doanh Quốc tế

2. Quá trình công tác của bản thân:

Tháng năm	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu?)
Từ 2019 – 2020	Nhân viên phục vụ hành khách - Công Ty Cổ Phần Phục Vụ Mặt Đất Sài Gòn - Chi Nhánh Đà Nẵng
Từ 2021 – Nay	Nhân viên Phòng Kế Hoạch – Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu - Công Ty Cổ Phần Sợi Phú Bài

3. Các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác:

4. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có):

5. Họ tên của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên (nếu có):

6. Các thông tin khác (nếu có):

7. Cam kết của ứng cử viên:

- Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.
- Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ của Thành viên Ban Kiểm soát một cách trung thực nếu được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu chọn.

Huế, ngày 17 tháng 08 năm 2026

Ứng cử viên

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Ngọc Diệp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Số / No.: **046197000947**

NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP

Ngày sinh / Date of birth: 23/07/1997

Giới tính / Sex: Nữ Quốc tịch / Nationality: Việt Nam

Quê quán / Place of origin

Thủy Lương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

Nơi thường trú / Place of residence: T. 04

Thủy Lương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế



Đặc điểm nhân dạng / Personal identification

may try

Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 22/04/2021

CỤC TRƯỞNG CỤC CÁN SÁ

QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

Phạm Công Nguyên

IDVNM1970009473046197000947<<1
9707232F3707230VNM<<<<<<<<<<4
NGUYEN<<THI<NGOC<DIEP<<<<<<<<

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR OF
UNIVERSITY OF ECONOMICS,
THE UNIVERSITY OF DANANG

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR
IN INTERNATIONAL BUSINESS

Upon: **Ms. NGUYEN THI NGOC DIEP**

Date of birth: **23 July 1997**

Year of graduation: **2019**

Degree classification: **Good**

Mode of study: **Full-time**

Danang, 14 June 2019



Reg. No:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

cấp

BẰNG CỬ NHÂN
NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

Cho: **Bà NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP**

Ngày sinh: **23/7/1997**

Năm tốt nghiệp: **2019**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 6 năm 2019



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN

Số hiệu: DND.6. **0110475**

Số vào sổ cấp bằng: **DDQ.6.0364.19**

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are **not** designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed **after two years** from the date of the test.

Centre Number

VN276

Date

13/APR/2019

Candidate Number

000132

Candidate Details

Family Name

NGUYEN

First Name

THI NGOC DIEP

Candidate ID

192096810



Date of Birth

23/07/1997

Sex (M/F)

F

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region
of Origin

Country of
Nationality

VIETNAM

First Language

VIETNAMESE

Test Results

Listening

5.5

Reading

6.0

Writing

5.5

Speaking

5.5

Overall
Band
Score

5.5

CEFR
Level

B2

Administrator Comments

Centre stamp



Validation stamp



Administrator's
Signature

[Handwritten Signature]

Date

25/04/2019

Test Report Form
Number

19VN000132NGUT276A



Cambridge Assessment
English



CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÂNG CAO

Cấp cho: NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP

Sinh ngày: 23/7/1997 Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Hội đồng thi: Trung tâm Phát triển Phần mềm - Đại học Đà Nẵng, khóa thi ngày 15-17/9/2017

Kết quả các mô đun (Điểm trắc nghiệm - Điểm thực hành):

1. IU07 (8,5 - 7); 2. IU08 (7 - 8,5); 3. IU09 (6,5 - 5).

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 10 năm 2017



Số hiệu: DND.I2. **0000324**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: DND.281.I2.17

GIÁO DỤC
ĐẠI HỌC
ĐÀ NẴNG
GS.TS. TRẦN VĂN NAM



CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Cấp cho: NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP

Sinh ngày: 23/7/1997 Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Hội đồng thi: Trung tâm Phát triển Phần mềm - Đại học Đà Nẵng, khóa thi ngày 12&13/8/2017

Kết quả: Điểm trắc nghiệm 9,0 Điểm thực hành 8,0

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 9 năm 2017



Số hiệu: DND.I1. **0003845**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: DND.2857.I1.17

GIÁO DỤC
ĐẠI HỌC
ĐÀ NẴNG
GS.TS. TRẦN VĂN NAM

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

CIRRICULLUM VITAE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Huế, ngày 17 tháng 08 năm 2026

Hue, day 17 month 08 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - *The State Securities Commission;*
- *The Stock Exchange.*

1/ Họ và tên/Full name: **Nguyễn Thị Ngọc Diệp**

2/ Giới tính/Sex: **Nữ / Female**

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: **23/07/1997**

4/ Nơi sinh/Place of birth: **Phường Hương Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam / Hương Thủy Ward, Hue City, Vietnam**

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): **046197000947** Ngày cấp/Date of issue: **22/04/2021** Nơi cấp/Place of issue: **Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội / Police Department for Administrative Management of Social Order**

6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam/Vietnam**

7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh/Kinh**

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: **Tổ dân phố Thủy Châu, Phường Hương Thủy, Thành phố Huế / Thủy Châu Residential Group, Hương Thủy Ward, Hue City**

9/ Số điện thoại/Telephone number: **0359325136**

10/ Địa chỉ email/Email: **diepntn@phubaispinning.com**

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Organisation's name subject to information disclosure rules: **Công Ty Cổ phần Sợi Phú Bài / Phu Bai Spinning Mill Joint Stock Company**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an organization subject to information disclosure: **Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu / Sales & Import-Export Staff**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

14/ Số CP nắm giữ:....., chiếm.....% vốn điều lệ, trong đó/Number of owning shares....., accounting for.....% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):

+ Cá nhân sở hữu/Owning by individual:

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any):

16/ Danh sách người có liên quan của người khai/List of affiliated persons of declarant:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019
Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Interest in conflict with public company, public fund (if any).*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/
I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.

**NGƯỜI KHAI/
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)*



Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1																
1		Nguyễn Thị Ngọc Diệp		Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu / Sales & Import- Export Staff		CMND ID Card No.	046197000947	22/04/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	KCN Phú Bãi, Phường Phú Bãi, Thành phố Huế/ Phu Bai industrial zone, Phu Bai ward, Hue City						
1.01		Bạch Thị Ngọc Anh			Me Mother	CMND ID Card No.	046163008750	11/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	9/30 Hoàng Phan Thái, Hương Thủy, Huế/ No. 9/30 Hoang Phan Thai, Huong Thuy, Hue						

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address (Head office address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.02		Lê Thanh Hùng			Bố chồng Father-in-law	CMND ID Card No.	046070001795	16/04/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội / Police Department for Administrative Management of Social Order	3/10 Dương Khuê, Hương Thủy, Huế/ No. 3/10 Duong Khue, Huong Thuy, Hue						
1.03		Trần Thị Thanh Tâm			Mẹ chồng Mother-in-law	CMND ID Card No.	046174001821	16/04/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	3/10 Dương Khuê, Hương Thủy, Huế/ No. 3/10 Duong Khue, Huong Thuy, Hue						

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.04		Lê Thanh Sơn		Bảo trì Worker	Chồng Husband	CMND ID Card No.	046095009541	15/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	3/10 Dương Khue, Hương Thủy, Huế/ No. 3/10 Duong Khue, Huong Thuy, Hue						
1.05		Lê Thanh Minh Quân			Con trai Son	Không có				3/10 Dương Khue, Hương Thủy, Huế/ No. 3/10 Duong Khue, Huong Thuy, Hue						Lý do không có số Giấy NSH: còn nhỏ

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.06		Nguyễn Xuân Nghiêm			Anh trai Older brother	CMND ID Card No.	046086010541	27/12/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	9/30 Hoàng Phan Thái, Hương Thủy, Huế/ No. 9/30 Hoang Phan Thai, Huong Thuy, Hue						
1.07		Nguyễn Thị Ngọc Thúy			Chị gái Older sister	CMND ID Card No.	046192017907	26/02/2022	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	Thôn Dâu Sơn, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa/ Dau Son Hamlet, Cam Lam Commune, Khanh Hoa Province						

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.08		Nguyễn Thị Ngọc Huyền			Chị gái Older sister	CMND ID Card No.	046195001182	22/04/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	9/30 Hoàng Phan Thái, Hương Thủy, Huế/ No. 9/30 Hoang Phan Thai, Huong Thuy, Hue						
1.09		Nguyễn Thị Thu Sương			Chị dâu Sister-in-law	CMND ID Card No.	046187001265	19/04/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	Thôn Phú Thành, xã Phú Riềng, TP Đồng Nai/ Phu Thanh Hamlet, Phu Rieng Commune, Dong Nai City						

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.10		Nguyễn Văn Lý			Anh rể Brother-in-law	CMND ID Card No.	066089006741	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	Thôn Dấu Sơn, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa/ Dau Son Hamlet, Cam Lam Commune, Khanh Hoa Province						
1.11		Bùi Bá Khanh			Anh rể Brother-in-law	CMND ID Card No.	046090010871	15/03/2022	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	9/30 Hoàng Phan Thái, Hương Thủy, Huế/ No. 9/30 Hoang Phan Thai, Huong Thuy, Hue						

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No, and other notes)
1.12		Lê Thị Cầm Nhưng			Em chồng / Husband's sister	CMND ID Card No.	046199009363	06/12/2024	Bộ Công An / Ministry of Public Security	Dạ Lê, Phường Thanh Thủy, Huế / Đa Lê, Thanh Thủy Ward, Hue						
1.13		Lê Thị Cầm Vân			Em chồng / Husband's sister	CMND ID Card No.	046301000862	29/01/2026	Bộ Công An / Ministry of Public Security	3/10 Dương Khue, Hương Thủy, Huế / No. 3/10 Dương Khue, Huong Thủy, Hue						

Sit No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.14		Nguyễn Trung Cường			Em rể chồng/ Brother-in- law	CMND ID Card No.	046091013606	15/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự XH / Police Department for Administrative Management of Social Order	Dã Lễ, Phường Thanh Thủy, Huế / Da Le, Thanh Thuy Ward, Hue						

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động và Quy chế Nội bộ về Quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (Điều lệ Công ty) và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 18/04/2025; Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2021.

Trong thời gian qua, Pháp luật đã có một số sửa đổi, bổ sung; điển hình là: Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024, Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung ngày 17/06/2025, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Vì vậy, nhằm đảm bảo Điều lệ và các Quy chế, Quy định quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tuân thủ quy định Pháp luật và tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) cùng với Ban kiểm soát (BKS) và Cơ quan Điều hành (CQĐH) Công ty đã rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ, Quy chế Nội bộ về Quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài để cập nhật ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ phù hợp với các quy định mới của Pháp luật hiện hành nhưng không làm thay đổi bản chất, mục đích quản trị Công ty; qua đó, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế phát sinh trong quá trình thực hiện.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- 1- Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài; các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của



Quy chế Nội bộ về Quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

➤ **Chi tiết một số điều, khoản cần được sửa đổi, bổ sung:** Theo các Bảng thuyết minh đính kèm, gồm:

1. Thuyết minh sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (lần thứ 11);
 2. Thuyết minh sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty;
 3. Thuyết minh sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;
 4. Thuyết minh sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS Công ty;
- 2- Căn cứ các nội dung tại mục 1 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc Tổng Giám đốc, hoặc Người Đại diện theo Pháp luật của Công ty, hoặc Trưởng Ban kiểm soát, tùy thuộc thẩm quyền của từng cấp theo quy định pháp luật, chịu trách nhiệm tổ chức hoàn thiện các công việc sau:
- a) Chủ động cập nhật sửa đổi, bổ sung các nội dung đã đề xuất tại Tờ trình và nội dung khác (nếu cần) trong Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và Quy chế hoạt động của BKS Công ty (bao gồm cả các vấn đề hình thức), đảm bảo phù hợp với các nội dung mới được Đại hội đồng cổ đông bất thường nhất trí thông qua và trên cơ sở tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật hiện hành liên quan và đảm bảo quyền lợi của Cổ đông Công ty.
 - b) Ký ban hành; Đăng ký và/hoặc gửi các bản Điều lệ và Quy chế mới ban hành chính thức đến các cơ quan có thẩm quyền hoặc các đơn vị có liên quan.
- 3- Thông qua Điều lệ và các Quy chế của Công ty mới ban hành chính thức sẽ thay thế các bản Điều lệ và Quy chế hiện hành đã được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thông qua trước đây.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- TV. HĐQT Cty;
- TV. BKS Cty;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, KT-TC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Tân



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung năm 2024;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, số 312/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/08/2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc Thay đổi Nhân sự Ban Kiểm soát Công ty theo Tờ trình số 309/TTr-HDQT ngày 24/08/2026

1- Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027 đối với bà Nguyễn Ngọc Mai Chi do có Đơn Từ nhiệm kể từ khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/8/2026.

2- Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp làm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp có đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty kể từ khi kết thúc Đại hội Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/8/2026.

3- Giao Trưởng Ban kiểm soát tổ chức việc phân công công việc của Ban kiểm soát.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/8/2026.

2- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo Pháp luật của Công ty và cổ đông của Công ty chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- TGD, Ban điều hành Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website;
www.phubaispinning.com;
- Lưu VT, KT-TC.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Phạm Văn Tân

BẢNG THUYẾT MINH

MỘT SỐ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI - LẦN THỨ II

(Kèm theo Tờ trình số 310/TTr-HĐQT ngày 24/08/2026)

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghịênng, đđm, gđch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghịênng, đđm là được SD, BS)	Lý do
PHẦN MỞ ĐẦU			
	<i>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 147/NQ-ĐHĐCĐ 2025 ngày 18 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.</i>	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là “Điều lệ này”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) theo loại hình công ty cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan. Điều lệ này và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách phù hợp với quy định pháp luật sẽ là quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty. <u>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số /NO-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi tắt là “Điều lệ”) được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Điều lệ bằng tiếng Anh và Điều lệ bằng tiếng Việt thì Điều lệ bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.</u>	- Kháng định giá trị pháp lý, hiệu lực của Điều lệ. - Theo điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì Công ty phải công bố thông tin khi SD,BS Điều lệ và khoản 1 Điều 4 Thông tư 68/2024/TT-BTC, Công ty (vốn CSH 262 tỷ ở thời điểm 31/3/2026 là công ty đại chúng quy mô lớn) phải công bố thông tin bất thường bằng tiếng Anh (bao gồm cả SD, BS Điều lệ) bên cạnh tiếng Việt từ ngày 01/01/2026.
CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG			
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và <i>các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) có hiệu lực tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này.</i> d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và	- Để bao hàm cả các Luật sửa đổi, bổ sung: Luật sửa đổi, bổ sung Luật DN 2022, 2025; - Để bao hàm của Luật sửa đổi, bổ sung: Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán 2024.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghị định, định, gach ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghị định, định là được SD, BS)	Lý do
	[...] j. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; [...] n. Chưa quy định o. Chưa quy định p. Chưa quy định	các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) có hiệu lực tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này; [...] j. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ năm (05)% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; [...] n. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác; o. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, em ruột, chị ruột, em ruột, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng; p. “Chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty” là một hoặc nhiều cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát cuối cùng trên thực tế đối với Công ty hoặc là người quản lý doanh nghiệp có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho Công ty được xác định theo quy định của Pháp luật.	- Cụ thể hóa khoản 18 Điều 4 LCK 2019. - Bổ sung theo điểm (c) khoản 1 Điều 1 LDN sửa đổi năm 2025 và là thuật ngữ sử dụng nhiều trong Điều lệ này. - Bổ sung theo khoản 22 Điều 4 LDN 2020 và là thuật ngữ sử dụng nhiều trong Điều lệ này. - Bổ sung theo điểm (d) khoản 1 Điều 1 LDN 2025; Điều 17 Nghị định 168/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định 296/2026/NĐ-CP).
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHỈ NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY			
2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chỉ nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thời hạn hoạt động của Công ty	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam.	Cập nhật theo chính quyền địa phương 2 cấp
3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.	Chuyển từ từ TGD sang Chủ tịch HĐQT Do bổ sung thêm khoản 3 Điều 30 về quyền, trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT với tư cách

Sst	Điều lệ hiện hành (Nghị định, dân, gach ngang là bộ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghị định, dân là được SD, BS)	Lý do
			Người ĐDTLP nên cần được dẫn chiếu cụ thể.
	3. Chưa quy định	3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung theo khoản 4 Điều 1 LDN 2025.
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY			
4.	Điều 4. Lĩnh vực và mục tiêu hoạt động của Công ty		
	1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tất cả các ngành nghề kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.	1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tất cả các ngành nghề kinh doanh mà Pháp luật không cấm, được Đại hội đồng cổ đông thông qua Đồng thời sửa đổi một số tên và mã ngành, nghề kinh doanh của Công ty (Chi tiết xem trong Dự thảo Điều lệ lần thứ 11)	- Hiện tại GCNĐKDN không còn ghi ngành nghề, Pháp luật cho phép DN kinh doanh các ngành nghề không cấm. - Để phù hợp với Quyết định 36/2025/QĐ-TTg về hệ thống ngành kinh tế VN.
5	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Bổ toàn bộ (Từ đây, các điều về sau, các dẫn chiếu sẽ được cập nhật lại)	Điều này có nội dung trùng với Điều 4 Dự thảo Điều lệ (sau sửa đổi, bổ sung)
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN			
6	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần		
	6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.	Bổ toàn bộ nội dung này và Phụ lục 1.	Công ty đã hoạt động được hơn 3 năm, không nhất thiết có thông tin về cổ đông sáng lập.
7	Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác		
	Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.	1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái	Bổ sung để làm rõ phạm vi quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT và tạo ra sự linh hoạt khi phát hành các loại chứng khoán không có

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghị định, đạ, gach ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghị, đạ, đạ là được SD, BS)	Lý do
		phiếu kèm theo chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một mức giá xác định trước. Trừ hai loại trái phiếu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định phát hành các loại trái phiếu khác, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.	tính chất chuyển đổi thành cổ phiếu (quy định này sẽ được cập nhật vào quy định về quyền, nghĩa vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT trong Dự thảo Điều lệ này).
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG			
8	Điều 13. Quyền của cổ đông		
	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác (như bỏ phiếu từ xa) do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết, [...] g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện quyền biểu quyết bằng cách gửi phiếu biểu quyết thông qua đường bưu chính hoặc biểu quyết tại hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết, [...] g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của Pháp luật;	Liệt kê các hình thức biểu quyết để thuận tiện, linh hoạt cho thực tiễn thực hiện và bảo vệ tốt nhất quyền của cổ đông phổ thông. Bổ sung để làm rõ hơn và phù hợp với quy định về giải thể (Điều 208.6 LDN 2020) và quy định về phá sản the (Điều 46.2 Luật Phục hồi, phá sản năm 2025).
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: [...] Chưa quy định	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: [...] Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong	Theo khoản 18 Điều 1 LDN 2025 và làm rõ hơn các trường hợp cổ đông được quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ cũng như hồ sơ đi kèm.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghịên, đm, gach ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghien, đm là được SD, BS)	Lý do
9	Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông 7. Chưa quy định 8. Chưa quy định	tổng số cổ phần của Công ty; lý do, mục đích yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có đủ chữ ký của cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	
10	Điều 15. Đại hội đồng cổ đông 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm (b) khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 3 Điều này. Trường	7. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Công ty hoặc có sự thay đổi thông tin để Công ty xác định chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty theo quy định của Pháp luật; 8. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;	Đề Công ty có thể xác định, kê khai về Chủ sở hữu hưởng lợi theo Điều 4 Nghị định 296/2026/NĐ-CP, thì cần cổ đông cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin. Theo quy định tại khoản 20 Điều 1 LDN 2025, chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ hợp lý mới được Công ty hoàn lại. Do vậy, nếu cổ đông triệu tập với lý do không phù hợp thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí triệu tập.
	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm (b) khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 3 Điều này. Trường		Bổ sung theo khoản 2 Điều 140 LDN 2020, để làm rõ trách nhiệm của HĐQT.

Stt	Điều lệ hiện hành (<i>Nghiêng, đậm, gạch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS</i>) được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 3 Điều này.	Dự thảo Điều lệ (<i>ngiêng, đậm là được SD, BS</i>) hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty; Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm (a) khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;	Lý do
11	Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: [...] 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	Ghép khoản 1 và khoản 2 thành khoản 1, loại trùng và không làm thay đổi nội dung: 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: (<i>Chỉ tiết xem trong Dự thảo Điều lệ lần thứ 11</i>)	Bổ sung theo khoản 3 Điều 140 LDN 2020 để làm rõ trách nhiệm của BKS.
12	Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền và người được ủy quyền 1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định pháp luật. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết có thể cử tối đa năm (05) người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp này phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo này gồm các nội dung chủ yếu sau: a. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông; b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty; c. Số lượng, họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý cá nhân của người đại diện theo ủy quyền;	Sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 14 LDN 2020 để làm rõ số lượng, thủ tục thông báo về người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.	Khoản 1 và khoản 2 có nội dung tương tự nhau, ghép lại, loại trùng để Điều lệ ngắn gọn, súc tích hơn.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghịêng, đăp, gặch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghięng, đăp là được SD, BS)	Lý do
	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:	d. Số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần được ủy quyền đại diện; e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền (ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền hoặc ngày chấm dứt (nếu có)); f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau: Khi từ chối kiến nghị trong các trường hợp trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã kiến nghị và nêu rõ lý do từ chối kiến nghị trong thời hạn chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 142 LDN 2020 để làm rõ trách nhiệm của người triệu tập họp ĐHCĐ, tránh tranh chấp phát sinh.
13	Điều 22. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua		
	3. Chưa quy định	3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên cần phải bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên cùng đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát cần phải bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử. Trường hợp không đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.	Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 148 LDN 2020 để Điều lệ được rõ ràng, hoàn thiện hơn.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghị định, nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan chức năng)	Dự thảo Điều lệ (nghị định, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan chức năng)	Lý do
14	Điều 2.3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến công đồng Chưa quy định.	1. Mọi nghị quyết của Đại hội đồng công đồng có thể được thông qua theo hình thức lấy kiến công đồng bằng văn bản, trừ Đại hội đồng công đồng thường niên và nghị quyết về các vấn đề các vấn đề sau đây phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng công đồng: a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); b. Tổ chức lại, giải thể Công ty.	Bổ sung để giảm bớt thủ tục họp ĐHCĐ, thay vào đó là xin ý kiến bằng văn bản, tiết kiệm chi phí nhưng vẫn tuân thủ quy định pháp luật.
15	Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng công đồng 1. Cuộc họp Đại hội đồng công đồng phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, Anh có giá trị pháp lý như nhau và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp; trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng Anh thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng công đồng; Chương trình họp và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng công đồng về từng vấn đề trong chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản	1. Cuộc họp Đại hội đồng công đồng phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp; trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng Anh thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.	- Bổ sung theo quy định tại Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC và khoản 1 Điều 4 Thông tư 68/2025/TT-BTC; Công ty đại chúng quy mô lớn như Công ty phải công bố thông tin bất thường đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. - Lược bỏ bớt nội dung và dẫn chiếu đến khoản 1 Điều 150 LDN về nội dung chính của biên bản họp ĐHCĐ giúp Điều lệ ngắn gọn hơn.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghị định, nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Dân tộc và Tôn giáo)	Dự thảo Điều lệ (nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Dân tộc và Tôn giáo)	Lý do
17	Điều 27. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <i>Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.</i> Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị. <i>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</i>	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <i>a. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05);</i> <i>b. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;</i> <i>c. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.</i> Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi theo khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
18	Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty; [...] d. Quyết định chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các loại chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm (bao gồm kế hoạch thị trường, khách hàng, sản phẩm và phát triển sản phẩm mới; kế hoạch tài chính; kế hoạch đầu tư hàng năm, trung hạn hoặc danh mục dự án đầu tư hàng năm, trung hạn) của Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc; [...] d. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm theo chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; trừ hai loại trái phiếu trên, Hội đồng quản trị có quyền	Bổ sung đề xác lập rõ quyền quản trị của HĐQT đối với kế hoạch SXKD, thị trường, khách hàng và phát triển sản phẩm mới; đồng thời bảo đảm HĐQT có đủ quyền tiếp cận thông tin, giám sát và yêu cầu giải trình nhưng không trực tiếp làm thay chức năng điều hành hằng ngày của Tổng Giám đốc.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghị định, dậm, gạch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghe, dậm là được SD, BS)	Lý do
	e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng; chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	quyết định phát hành các loại trái phiếu khác, tổng giá trị trái phiếu phát hành và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; e. Quyết định mua lại không quá mười (10)% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; quyết định giá cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; f. <i>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;</i> g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, duy trì và phát triển khách hàng, tìm kiếm khách hàng mới, phát triển sản phẩm mới và công nghệ; i. <i>Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý, điều hành của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị của công ty khác, quyết định thù lao và quyền lợi khác của những người đó (nếu có); phê duyệt đề Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các chức danh gồm Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc nhà máy, Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương của Công ty;</i>	

Stt	Điều lệ hiện hành (<i>Nghiêng, đậm, gạch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS</i>)	Dự thảo Điều lệ (<i>ngiêng, đậm là được SD, BS</i>)	Lý do
	j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; k. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua, quyết định ban hành, Quy chế về công bố thông tin của Công ty; 4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ này có quy định khác [...] <i>Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của</i>	j. Giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác <i>trong việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ và kế hoạch đã được phê duyệt</i> và trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; <i>giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</i> k. <i>Trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và/hoặc thống nhất của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị quyết định: Cơ cấu tổ chức của Công ty từ cấp phòng/ban, nhà máy trở lên (bao gồm cả thành lập, tổ chức lại, giải thể); quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty con do Công ty nắm giữ một trăm (100)% vốn điều lệ; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp, cổ phần hoặc bán phần vốn góp, cổ phần tại doanh nghiệp khác;</i> p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <i>quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; phê duyệt hoặc cho ý kiến về các quy chế quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền ban hành của Tổng Giám đốc;</i> <i>Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, trong phạm vi thực hiện chức trách, có quyền trực tiếp yêu cầu, tiếp cận, tra cứu và truy vấn các thông tin, hồ sơ, dữ liệu cần thiết của Công ty, bao gồm thông tin về tổ chức - nhân sự, đầu tư - tài sản, tài chính - kế toán, sản xuất - chất lượng - nguyên liệu, thị trường và hoạt</i>	

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghịêng, dậm, gach ngang là bỏ hoặc bị SD, BS) các đơn vị trong Công ty: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.	Dự thảo Điều lệ (nghịêng, dậm là được SD, BS) đồng kinh doanh; toàn bộ thông tin liên quan đến khách hàng hiện có; kế hoạch duy trì, phát triển khách hàng và kế hoạch dự kiến của bộ phận kinh doanh về tìm kiếm khách hàng mới; tình hình đơn hàng, giá bán, điều kiện thương mại, công nợ, phân hồi, khiếu nại, trả hàng, phạt, bồi thường và các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ khách hàng hoặc kết quả sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng bộ phận kinh doanh và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời và giải trình theo yêu cầu;	Lý do
	r. Chưa quy định	r. Hội đồng quản trị có thể phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ của mình bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị; 3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này .	Sửa đổi vì Nghị định 155/2020/NĐ-CP có thể bị bãi bỏ bất cứ lúc nào và Điều 1 không có quy ước về nghị định này bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
	5. Chưa quy định	5. Công khai lợi ích: a. Một thành viên Hội đồng quản trị bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự định ký kết với Công ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan; b. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ khi thực hiện giao dịch có phân của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và	Bổ sung theo Điều 164 LDN 2020, LCK 2019 và Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghị định, nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)	Dự thảo Điều lệ (nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)	Lý do
	c. Đối với Công ty con của Công ty có phần vốn góp của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, b Khoản này, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp; Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;	c. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp; Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của của công ty mẹ tại Công ty.	Sửa đổi để cụ thể hơn và phù hợp với điểm c K.S.Đ162 LDN 2020.
	5. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất thông lệ của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, trong phạm vi kế hoạch, ngân sách, hạn mức và thẩm quyền được Hội đồng quản trị phê duyệt, phân cấp hoặc ủy quyền theo từng thời kỳ; d. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; ban hành quy chế quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền hoặc sau khi có phê duyệt, cho ý kiến của Hội đồng quản trị; [...] f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; trừ tiền lương và các lợi ích khác của các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; k. Trước khi kết thúc năm tài chính mười lăm (15) ngày, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trong đó bao gồm mục tiêu và kế hoạch về sản xuất, thị	4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, trong phạm vi kế hoạch, ngân sách, hạn mức và thẩm quyền được Hội đồng quản trị phê duyệt, phân cấp hoặc ủy quyền theo từng thời kỳ; d. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; ban hành quy chế quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền hoặc sau khi có phê duyệt, cho ý kiến của Hội đồng quản trị; [...] f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; trừ tiền lương và các lợi ích khác của các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; k. Trước khi kết thúc năm tài chính mười lăm (15) ngày, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trong đó bao gồm mục tiêu và kế hoạch về sản xuất, thị	Khẳng định Tổng Giám đốc có đầy đủ quyền điều hành hàng ngày nhưng phải trong phạm vi HDQT đã phê duyệt/phân cấp/ủy quyền; đồng thời gắn quyền điều hành với nghĩa vụ chủ động báo cáo các vấn đề trọng yếu, tránh khoảng trống trách nhiệm.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghịêng, đăp, gặch ngang là bô hoặc bị SD, BS) trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	Dự thảo Điều lệ (nghịêng, đăp là được SD, BS) trường, khách hàng hiện hữu, tìm kiếm khách hàng mới, phát triển sản phẩm mới, nguyên liệu, chất lượng, đầu tư và tài chính trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	Lý do
n. Chưa quy định		n. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo nhu cầu tùy từng thời điểm;	
o. Chưa quy định		o. Chủ động tổ chức thu thập, kiểm tra và cung cấp cho Hội đồng quản trị các thông tin cần thiết phục vụ công tác quản trị, giám sát; báo đảm Hội đồng quản trị được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các thông tin trọng yếu về khách hàng, thị trường, đơn hàng, chất lượng, khiếu nại, trả hàng, phạt, bồi thường, công nợ và các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động hoặc kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty; tổ chức báo cáo và giải trình theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị;	
7. Chưa quy định		7. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty, công ty mẹ; b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác (làm việc) với vị trí Tổng Giám đốc; c. Có đơn xin thôi việc bằng văn bản đã được gửi cho Hội đồng quản trị; d. Hợp đồng lao động hết thời hạn hoặc nghỉ hưu theo chế độ và Công ty không có nhu cầu ký lại hợp đồng lao động.	Bổ sung vì Điều lệ cần phải quy định rõ các căn cứ miễn nhiệm TGD.
8. Chưa quy định		8. Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;	Bổ sung vì Điều lệ cần phải quy định rõ các căn cứ bãi nhiệm TGD.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghiêng, đậm, gạch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (ngiêng, đậm là được SD, BS)	Lý do
		b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động; c. Không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này, pháp luật có liên quan.	
22	Điều 35. Nghĩa vụ của người điều hành Công ty	Bộ toàn bộ (Từ đây, các điều về sau, các dẫn chiếu sẽ được cập nhật lại)	Loại bỏ để không trùng lặp do quy định này tương tự như quy định tại Chương X
23	Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát 2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169-Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Chưa quy định f. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ.	2. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; f. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty; không được là người có quan hệ gia đình của Kiểm soát viên của Công ty và người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước của công ty mẹ, người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty.	Cần chi tiết hóa, không dẫn chiếu đến LDN 2020. Bổ sung theo điểm b khoản 1 Điều 169 LDN 2020. Sửa đổi để phù hợp với khoản 2 Điều 169 LDN 2020 và quy định về Kiểm soát viên trong công ty đại chúng.
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC			
24	Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi		
	3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành khác	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 164 LDN 2020.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghị quyết, nghị quyết, nghị quyết là bộ hoặc bị SD, BS) có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Dự thảo Điều lệ (nghị quyết, nghị quyết là được SD, BS) hành khác có nghĩa vụ Thông báo cho Hội đồng Quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm: [...] (Chỉ tiết xem trong khoản 3 Điều 44 Dự thảo Điều lệ lần thứ 11)	Lý do
25	Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình	4. Về cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh: [...] (Chỉ tiết xem trong khoản 4 Điều 44 Dự thảo Điều lệ lần thứ 11)	Sửa đổi Điều 167 LDN 2020; Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP).
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY			
26	Điều 60. Chuyển đổi Công ty Công ty có thể chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn. Khi chuyển đổi được quy định như sau: 1. Đại hội đồng thông qua quyết định chuyển đổi và Điều lệ Công ty chuyển đổi. Quyết định chuyển đổi phải có các nội dung chủ yếu về: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty được chuyển đổi; tên, địa chỉ trụ sở	Bổ toàn bộ điều này. (Từ đây, các điều về sau, các dẫn chiếu sẽ được cập nhật lại)	Nội dung Điều này chưa bao quát hết. Vì chuyển đổi từ CTCP sang Cty TNHH chỉ là một trong các hình thức chuyển đổi DN và cũng là một trong các hình thức tổ chức lại DN (gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập,

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghị định, dậm, gạch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghị định, dậm là được SD, BS)	Lý do
	Điều lệ hiện hành (Nghị định, dậm, gạch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS) sở chính của Công ty chuyển đổi; thời hạn và điều kiện chuyển tài sản, cổ phần, trái phiếu của Công ty được chuyển đổi thành tài sản, phân vốn góp của Công ty chuyển đổi; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện. 2. Quyết định chuyển đổi phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua quyết định. 3. Việc đăng ký kinh doanh của Công ty chuyển đổi được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định chuyển đổi. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty được chuyển đổi chấm dứt tồn tại; Công ty chuyển đổi được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty được chuyển đổi.		chuyển đổi loại hình) theo LDN 2020. Trong khi đó LDN năm 2020 đã quy định rất chi tiết các hình thức tổ chức lại DN nên không cần phải quy định trong Điều lệ.
27	Điều 58. Giải thể Công ty 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: [...] Bỏ a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ của Công ty mà không có quyết định gia hạn; b. Theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Công ty không đủ số cổ đông tối thiểu là ba người trong thời gian sáu tháng liên tục; c. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; d. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;	1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: [...] Bỏ a. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác. Bỏ	Khoản 5 Điều 2 Điều lệ không quy định thời hạn hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ không ban hành quyết định. Sửa đổi theo điểm c khoản 1 Điều 207 LDN 2020. Bổ sung theo điểm d khoản 1 Điều 207 LDN 2020. Giải thể và phá sản là hai trường hợp độc lập nhau.

Stt	Điều lệ hiện hành (Nghịêng, dậm, gạch ngang là bỏ hoặc bị SD, BS)	Dự thảo Điều lệ (nghięng, dậm là được SD, BS)	Lý do
	e. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Bỏ	Là trường hợp cụ thể của điểm a khoản này.
	g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Bỏ	Pháp luật không có quy định bất kỳ trường hợp nào khác.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ mười một)

Địa chỉ: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại: 0234-3863240/3863367

Fax: 0234-3863363

Email: info@phubaispinning.com Website: www.phubaispinning.com

TP. Huế, tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty	3
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Lĩnh vực và mục tiêu hoạt động của Công ty	4
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	5
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	5
Điều 6. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần	6
Điều 7. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	6
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 11. Thu hồi cổ phần.....	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 13. Quyền của cổ đông	9
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền và người được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 18. Thay đổi các quyền.....	16

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 22. Điều kiện đề Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	35
Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty.....	35
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	36
Điều 35. Người điều hành Công ty	36
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm; nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	37
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	40
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát.....	40
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....	41
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	41
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	43
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	43
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	43
Điều 43. Trách nhiệm cần trọng	43

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	44
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	47
Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	47
CHƯƠNG XII. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI KHÁC TRONG CÔNG TY..	48
Điều 47. Các tổ chức chính trị, xã hội khác trong Công ty	48
Điều 48. Công nhân viên và Công đoàn.....	48
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	48
Điều 49. Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh.....	48
Điều 50. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức đã chia.....	50
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	50
Điều 51. Tài khoản ngân hàng.....	50
Điều 52. Năm tài chính.....	50
Điều 53. Chế độ kế toán	50
Điều 54. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	51
Điều 55. Báo cáo thường niên	51
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	51
Điều 56. Kiểm toán	51
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	52
Điều 57. Dấu của doanh nghiệp.....	52
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	52
Điều 58. Giải thể Công ty.....	52
Điều 59. Thanh lý.....	52
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	53
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	53
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	54
Điều 61. Điều lệ Công ty.....	54
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	54
Điều 62. Ngày hiệu lực.....	54

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là “Điều lệ này”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) theo loại hình công ty cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác có liên quan. Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách phù hợp với quy định Pháp luật sẽ là quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 313/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi tắt là “Điều lệ”) được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Điều lệ bằng tiếng Anh và Điều lệ bằng tiếng Việt thì Điều lệ bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) có hiệu lực tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này;
- d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) có hiệu lực tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này;
- e. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- f. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- g. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;

- h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - j. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ năm (05)% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - k. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;
 - l. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - m. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
 - n. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
 - o. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
 - p. “Chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty” là một hoặc nhiều cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát cuối cùng trên thực tế đối với Công ty hoặc là người quản lý doanh nghiệp có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho Công ty được xác định theo quy định của Pháp luật.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
- Tên tiếng Anh: PHU BAI SPINNING MILL JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
- Tên viết tắt: PHU BAI SJSC.
- 2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam.
 - Điện thoại: +84- 234- 3863240/3863353/3863355/3863367
 - Fax: +84- 234- 3863363
 - E-mail: sales@phubaispinning.com
 - Website: www.phubaispinning.com
- 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
 - + Thông tin về Văn phòng đại diện:
 - Tên Văn phòng đại diện: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
 - Địa chỉ: Tòa nhà VINATEX, số 10 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Mã số Văn phòng đại diện: 3300352720-002
- 5. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập, thời điểm kết thúc theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của Pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Lĩnh vực và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tất cả các ngành nghề kinh doanh mà Pháp luật không cấm, được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sợi Chi tiết: Sản xuất kinh doanh sợi, dệt, vải, nguyên phụ liệu và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm	1311 (Chính)
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: thiết bị điện; dụng cụ hệ thống điện; thiết bị ngành sợi, dệt, nhuộm	4659
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu: bông, xơ, sợi các loại và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm	4679
4	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất kinh doanh áo quần may sẵn	1410
5	Lắp máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị ngành công nghiệp	3320
6	Xây dựng nhà các loại	4100
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp	4299
8	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định	4932
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động	5610

11	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị	7730
13	Đào tạo sơ cấp	8531

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tham gia vào các hoạt động kinh doanh được nêu tại Điều 4 của Điều lệ này nhằm mục đích thu lợi nhuận một cách chính đáng và hợp pháp, cải thiện điều kiện làm việc, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 133.000.870.000 đồng (*Một trăm ba mươi ba tỷ, tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*)
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 13.300.087 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 và Điều 14 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 6. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của các cổ đông quy định tại Điều lệ của Công ty, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc thỏa thuận trong thời gian chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 7. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi (30)% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười (10)% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác, thì giá mua lại không thấp hơn giá thị trường.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Văn bản

đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

4. Khi Công ty đăng ký lưu ký cổ phiếu tập trung và đăng ký giao dịch cổ phiếu, mọi vấn đề giao dịch có liên quan sẽ tuân thủ theo quy chế, quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo quy định của điều khoản phát hành, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm theo chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một mức giá xác định trước. Trừ hai loại trái phiếu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định phát hành các loại trái phiếu khác, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện quyền biểu quyết bằng cách gửi phiếu biểu quyết thông qua đường bưu chính hoặc biểu quyết tại hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này cho người khác;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu của Công ty;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của Pháp luật;

- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của Pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - i. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - ii. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; lý do, mục đích yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có đủ chữ ký của cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
Kèm theo yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; báo cáo tài chính bán niên và hằng năm; báo cáo của Ban kiểm soát; hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân khác đối với cổ

đồng là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc tự ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo đúng quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
3. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

4. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm Pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho Công ty khi có bất cứ thay đổi nào với các thông tin đã đăng ký;
7. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Công ty hoặc có sự thay đổi thông tin để Công ty xác định chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty theo quy định của Pháp luật;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm

toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện công ty kiểm toán nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Hội đồng quản trị không điều hành còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) còn lại như quy định tại điểm (b) khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm (a) khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm (b) khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm (c) khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện các công việc quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh; mục tiêu, nhiệm vụ; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, trái phiếu kèm theo chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; phân phối lợi nhuận hằng năm;
- g. Quyết định việc Công ty mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập;
- m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên; báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- n. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 44 Điều lệ này;

- a. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty và Pháp luật có liên quan.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu thông qua bất kỳ Nghị quyết nào của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm (n) khoản 2 Điều này nếu cổ đông và/hoặc người có liên quan của cổ đông có lợi ích liên quan trong hợp đồng, giao dịch đó;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó và/hoặc của người có liên quan của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
3. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền và người được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định Pháp luật. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết có thể cử tối đa năm (05) người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp này phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo này gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông;
 - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
 - c. Số lượng, họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý cá nhân của người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền (ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền hoặc ngày chấm dứt (nếu có));
 - f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo Pháp luật của cổ đông.
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; họ, tên cá nhân, tên tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải

xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nếu trước đó chưa thông báo với Công ty.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi (nếu có) có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền/người được ủy quyền dự họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ đông và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền/người được ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23 và Điều 24 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần có quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) và (c) khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - c. Thông báo và gửi Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - d. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
 - e. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
 - f. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức gửi thư thông qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc bằng phương thức liên lạc khác đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với Công ty; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);

- c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này (tính từ thời điểm chốt xong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về sau) có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- Khi từ chối kiến nghị trong các trường hợp trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã kiến nghị và nêu rõ lý do từ chối kiến nghị trong thời hạn chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi (50)% tổng số biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số phiếu tán thành Nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành Nghị quyết và phiếu không có ý kiến được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh rời khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến hoặc bằng hình thức họp trực tuyến kết hợp với họp trực tiếp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến

cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng các hình thức này được quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

11. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Riêng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ này và các khoản 2, 3 và 4 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 và các khoản 1, 3 và 4 Điều này.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) cần bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) cần phải bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên cùng đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát cần phải bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử. Trường hợp không đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.
4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho trên năm mươi (50)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.
6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi cả trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
7. Trường hợp có cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này, Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ Nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Mọi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua theo hình thức lấy kiến cổ đông bằng văn bản, trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết về các vấn đề các vấn đề sau đây phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
 - b. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h. Chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông hoặc cá nhân, người đại diện của tổ chức được cổ đông ủy quyền.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư thông qua đường bưu chính, fax hoặc thư điện tử (email) theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử (email): Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử (email) phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử (email) là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về đúng thời hạn được coi là cổ đông không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể thay

thể bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp; trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng Anh thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có chữ ký xác nhận của chủ tọa và thư ký, được lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp; biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp; được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp hoặc kết thúc kiểm phiếu. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được và/hoặc biết được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 22 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Điều lệ này hoặc Pháp luật.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng có Nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên và/hoặc các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên hoặc thông tin của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, và/hoặc các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ năm mươi (50)% trở lên được đề cử tối đa số ứng cử viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử

viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền quản lý của công ty mẹ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;
- e. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp bầu bổ sung (do tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị) hoặc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế đó bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của thành viên trước đó.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành như sau:
 - a. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05).
 - b. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
 - c. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị tiếp nhận đơn, thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc miễn nhiệm tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp này, thành viên này sẽ không được quyền thảo luận và biểu quyết các quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày Hội đồng quản trị tiếp nhận đơn;
 - c. Thành viên đó vắng mặt, không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Pháp luật.
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại Nghị quyết có hiệu lực của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc trường hợp quy định tại điểm (b) khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật; Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm (bao gồm kế hoạch thị trường, khách hàng, sản phẩm và phát triển sản

phẩm mới; kế hoạch tài chính; kế hoạch đầu tư hằng năm, trung hạn hoặc danh mục dự án đầu tư hằng năm, trung hạn) của Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm theo chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; trừ hai loại trái phiếu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định phát hành các loại trái phiếu khác, tổng giá trị trái phiếu phát hành và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- e. Quyết định mua lại không quá mười (10)% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; quyết định giá cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, duy trì và phát triển khách hàng, tìm kiếm khách hàng mới, phát triển sản phẩm mới và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán và các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 44 Điều lệ này, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;
- i. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý, điều hành của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị của công ty khác, quyết định thù lao và quyền lợi khác của những người đó (nếu có); phê duyệt để Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các chức danh gồm Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc nhà máy, Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương của Công ty;
- j. Giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ và kế hoạch đã được phê duyệt; giải quyết các khiếu nại của Công ty đối

với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

- k. Trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và/hoặc thống nhất của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị quyết định: Cơ cấu tổ chức của Công ty từ cấp phòng/ban, nhà máy trở lên (bao gồm cả thành lập, tổ chức lại, giải thể); quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty con do Công ty nắm giữ một trăm (100)% vốn điều lệ; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp, cổ phần hoặc bán phần vốn góp, cổ phần tại doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm được trả và quyết định việc tạm ứng cổ tức giữa kỳ; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; phê duyệt hoặc cho ý kiến về các quy chế quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền ban hành của Tổng Giám đốc;
- q. Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, trong phạm vi thực hiện chức trách, có quyền trực tiếp yêu cầu, tiếp cận, tra cứu và truy vấn các thông tin, hồ sơ, dữ liệu cần thiết của Công ty, bao gồm thông tin về tổ chức - nhân sự, đầu tư - tài sản, tài chính - kế toán, sản xuất - chất lượng - nguyên liệu, thị trường và hoạt động kinh doanh; toàn bộ thông tin liên quan đến khách hàng hiện có; kế hoạch duy trì, phát triển khách hàng và kế hoạch dự kiến của bộ phận kinh doanh về tìm kiếm khách hàng mới; tình hình đơn hàng, giá bán, điều kiện thương mại, công nợ, phản hồi, khiếu nại, trả hàng, phạt, bồi thường và các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ khách hàng hoặc kết quả sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng bộ phận kinh doanh và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời và giải trình theo yêu cầu;
- r. Hội đồng quản trị có thể phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ của mình bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- s. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ này và của Pháp luật.
4. Trừ khi Pháp luật và Điều lệ này quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
5. Công khai lợi ích:
 - a. Một thành viên Hội đồng quản trị bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự định ký kết với Công ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;
 - b. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về giao dịch này theo quy định của Pháp luật.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị (trừ người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị) được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham

dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị khi đáp ứng hoặc không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ này.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát (theo dõi, kiểm tra) quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Kiến nghị Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Tổng Giám đốc và thay mặt Hội đồng quản trị ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc (nếu có);
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Đại diện Công ty làm việc, ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Công ty với bên thứ ba, bao gồm cả cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - b. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng, giao dịch của Công ty;
 - c. Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án;
 - d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đơn từ chức hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ để chọn một (01) người thực hiện việc triệu tập và chủ trì họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, trong trường hợp cần Hội đồng quản trị họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình tài chính của Công ty.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 2 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng phương thức gửi thư thông qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn

- điện thoại, fax và/hoặc phương thức liên lạc khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị cũng được gửi cho thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo thời hạn và phương thức tương tự. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ hai nhưng không đủ một nửa (1/2) số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
 8. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại nếu được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm (a) khoản 5, khoản 6 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề và ra nghị quyết, quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.
13. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp, ý kiến tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều này. Nghị quyết, quyết định trong trường hợp này có hiệu lực và giá trị như

ng nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Thư ký cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được ghi âm, ghi hình hoặc lưu trữ bằng hình thức điện tử khác để đảm bảo tính chính xác nội dung, diễn biến, kết quả cuộc họp.

Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này vẫn có hiệu lực.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài; trong đó thành viên bên ngoài phải ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số (trên 50%) thành viên của tiểu ban tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định Pháp luật hiện hành và Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về Pháp luật; có trình độ học vấn từ đại học trở lên, am hiểu hoạt động của Công ty;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Không phải là người có quan hệ gia đình với người quản lý của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty trong phạm vi thẩm quyền được giao. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc (sau đây gọi tắt là “Cơ quan Điều hành”). Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty. Trong đó:
 - a. Tổng Giám đốc là người điều hành chung công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- b. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Pháp luật về phạm vi công việc được phân công, ủy quyền;
 - c. Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê và chịu trách nhiệm về các công tác này của Công ty theo quy định của Pháp luật.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác nếu thấy cần thiết, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
 3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng, các lợi ích khác của Tổng Giám đốc trong hợp đồng lao động do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương, thưởng, các lợi ích khác của những người điều hành còn lại do Hội đồng quản trị phê duyệt theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
 4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm; nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc theo Pháp luật về lao động.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của khoản 3 Điều này và Pháp luật có liên quan.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - c. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn Nhà nước của công ty mẹ, người đại diện phần vốn của của công ty mẹ tại Công ty.

4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, trong phạm vi kế hoạch, ngân sách, hạn mức và thẩm quyền được Hội đồng quản trị phê duyệt, phân cấp hoặc ủy quyền theo từng thời kỳ;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Tổ chức thực hiện phương án kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua hoặc được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền theo từng thời kỳ;
- d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; ban hành quy chế quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền hoặc sau khi có phê duyệt, cho ý kiến của Hội đồng quản trị;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc; trừ tiền lương và các lợi ích khác của các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g. Tổng Giám đốc đại diện cho Công ty hoặc ủy quyền cho người điều hành khác để thực hiện việc tuyển dụng ký kết, chấm dứt các hợp đồng lao động, trừ hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- h. Kiến nghị Hội đồng quản trị về phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Kiến nghị số lượng và người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành;
- j. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- k. Trước khi kết thúc năm tài chính mười lăm (15) ngày, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trong đó bao gồm mục tiêu và kế hoạch về sản xuất, thị trường, khách hàng hiện hữu, tìm kiếm khách hàng mới, phát triển sản phẩm mới, nguyên liệu, chất lượng, đầu tư

và tài chính trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- l. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua;
 - n. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo nhu cầu tùy từng thời điểm;
 - o. Chủ động tổ chức thu thập, kiểm tra và cung cấp cho Hội đồng quản trị các thông tin cần thiết phục vụ công tác quản trị, giám sát; bảo đảm Hội đồng quản trị được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các thông tin trọng yếu về khách hàng, thị trường, đơn hàng, chất lượng, khiếu nại, trả hàng, phạt, bồi thường, công nợ và các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động hoặc kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty; tổ chức báo cáo và giải trình theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị;
 - p. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và Pháp luật.
5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị (trên 50%) có quyền dự họp biểu quyết tán thành (thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc không được tham gia biểu quyết về nội dung này) và bổ nhiệm một (01) Tổng Giám đốc mới thay thế.
 7. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty, công ty mẹ;
 - b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác (làm việc) với vị trí Tổng Giám đốc;
 - c. Có đơn xin thôi việc bằng văn bản đã được gửi cho Hội đồng quản trị;
 - d. Hợp đồng lao động hết thời hạn hoặc nghỉ hưu theo chế độ và Công ty không có nhu cầu ký lại hợp đồng lao động.
 8. Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - b. Vi phạm Pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;

- c. Không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này, Pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên để bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên để bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một (01) Kiểm soát viên có chứng chỉ hành nghề kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên.
2. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh hoặc chuyển ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - c. Không được giữ các chức vụ quản lý, điều hành trong Công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong Công ty;
 - d. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
 - f. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác của Công ty; không được là người có quan hệ gia đình của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) của Công ty và người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn Nhà nước của công ty mẹ, người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty;

- g. Quy định Pháp luật có liên quan cấm làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).
- 3. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Pháp luật;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); việc bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số (trên 50%) thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) tán thành. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm

- toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ Pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác;
 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;
 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý, người điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
 10. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 11. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 12. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;
 13. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 14. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Cơ quan điều hành Công ty;
 15. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 16. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Cơ quan điều hành;
 17. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được thực hiện theo quy định sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những

nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người quản lý, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ Thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của họ làm chủ hoặc cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười (10) vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số (trên 50%) thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

4. Về cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh:

- a. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông (gồm cả cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức) và người có liên quan của cổ đông là cá nhân;
- b. Công ty chỉ được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức trong trường hợp tổ chức đó là công ty con của Công ty. Thẩm quyền phê duyệt như sau:
 - i. Đại hội đồng cổ đông thông qua giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
 - ii. Hội đồng quản trị thông qua đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
- c. Công ty chỉ được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc, người điều hành khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trường hợp cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc, người điều hành khác mà tổ chức đó là công ty con của Công ty thì thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo điểm (b) khoản này.

5. Căn cứ Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Công ty chỉ thực hiện các hợp đồng, giao dịch sau đây, trừ hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- a. Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán, giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - i. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành và người có liên quan của các đối tượng này;
 - ii. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty làm chủ hoặc cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười (10)% vốn điều lệ.

- b. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán và cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- 6. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau:
 - a. Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm (a) khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
 - b. Hợp đồng, giao dịch cho vay, bán tài sản quy định tại điểm (b) khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán.
- 7. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc, người điều hành khác, người có liên quan của những đối tượng này được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất kỳ hình thức nào các cổ phiếu của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào, khi họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến cổ phiếu đó và các cổ đông không biết về những thông tin này.
- 8. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này được ký kết khi chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì sẽ bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật. Trường hợp phát sinh thiệt hại, do hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người có liên quan của những đối tượng này đã thực hiện việc ký kết hợp đồng, giao dịch đó phải bồi thường thiệt hại, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi ích thu được từ việc ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch này.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích Công ty trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê Luật sư), khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ quy định Pháp luật. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Khi được xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông khác trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, cổ đông có nghĩa vụ, trách nhiệm phải bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định Pháp luật;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình; riêng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận, tra cứu và truy vấn các hệ thống thông tin, dữ liệu điện tử, hồ sơ và tài liệu cần thiết khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này, với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện

là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI KHÁC TRONG CÔNG TY

Điều 47. Các tổ chức chính trị, xã hội khác trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ, các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.

Điều 48. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành khác của Công ty.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức đại diện cho người lao động, bao gồm cả tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 49. Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Lợi nhuận hàng năm sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy điều kiện cụ thể từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Lợi nhuận (kế toán) sau thuế hằng năm được phân phối như sau:
 - a. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);
 - b. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước;
 - c. Số lợi nhuận còn lại (sau khi trừ các khoản quy định tại điểm a, điểm b trên) được phân phối như sau:
 - Trích Quỹ Đầu tư phát triển;

- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi;
 - Trích thưởng Ban Quản lý, Điều hành;
 - Chia cổ tức;
 - Trích quỹ khác và/hoặc để lại năm sau (nếu có).
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác của Công ty.
 3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam).
 6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
 7. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
 8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
 9. Trường hợp Công ty sau khi quyết toán thuế với cơ quan thuế mà bị lỗ thì được xử lý theo các trường hợp sau:
 - a. Chuyển lỗ sang năm sau (thời gian chuyển lỗ theo quy định của Pháp luật);
 - b. Giảm tài sản;
 - c. Dùng quỹ dự trữ bắt buộc để bù đắp;
 - d. Cổ đông góp thêm vốn.
 10. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi thực hiện đầy đủ theo khoản 1 Điều này và bù đủ số lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ của Công ty và Pháp luật.

Điều 50. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức đã chia

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 11 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 49 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn trả lại.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 53. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định Pháp luật về kế toán và Pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước Pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 54. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định Pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo bán niên và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 55. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 56. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và giao cho Ban kiểm soát quyết định lựa chọn một trong số các công ty này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Ban kiểm soát. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 57. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 58. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định của Pháp luật.

Điều 59. Thanh lý

1. Khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Phí Trọng tài sẽ do bên thua kiện trả, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương - 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 313/NQ-ĐHĐCĐ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24 tháng 8 năm 2026. Các bản Điều lệ, văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ trước đây không còn giá trị hiệu lực.
2. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản, do Người đại diện theo Pháp luật của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ký ban hành và được lưu giữ tại trụ sở Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu là của một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Văn Tân

BẢNG THUYẾT MINH
MỘT SỐ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHỦ BÀI
(Kèm theo Tờ trình số 310/TT- HĐQT ngày 24/08/2026)

Sst	Quy chế hiện hành <i>(nghiêng, đậm, gạch ngang là bỏ, bị SD, BS)</i>	Dự thảo Quy chế <i>(nghiêng, đậm là nội dung được SD, BS)</i>	Lý do
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng <i>1. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.</i>	Bỏ	Không phù hợp với tên Điều và nội dung của Quy chế.
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ 1. [...] c. “Luật Kế toán” là: Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015	1. [...] c. “Luật Kế toán” là: Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015 và các Luật sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm	Luật Kế toán năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật kế toán năm 2024
	d. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 3 Nghị định 155/2020/ND-CP, không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	d. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	Biên tập lại theo đúng khoản 56 Điều 3 Nghị định 155/2020/ND-CP.
3	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông; <i>Chưa quy định.</i>	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin cho cổ đông <i>Bổ sung.</i> - Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông; - Trình tự, thủ tục cổ đông thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin <i>(Chỉ tiết xem khoản 3 Điều 3 Dự thảo Quy chế)</i>	Điều lệ chưa quy định chi tiết về trình tự, thủ tục quyền này của cổ đông. Do vậy, cần được quy định chi tiết để chuẩn hóa quy trình, tránh phát sinh tranh chấp.

Stt	Quy chế hiện hành (<i>nghiêng, đảm, gạch ngang là bỏ, bị SĐ, BS</i>)	Dự thảo Quy chế (<i>nghiêng, đảm là nội dung được SĐ, BS</i>)	Lý do
4	Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông <u>2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biên quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u> 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; Theo quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán của Trung tâm Lưu ký, Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất 08 ngày làm việc liên tiếp trước ngày đăng ký cuối cùng. 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 4.1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội	2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. 4. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức gửi thư thông qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc bằng phương thức liên lạc khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với Công ty, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông	- Lược bỏ bớt cho ngắn gọn và chuyển xuống khoản 2 cho phù hợp. - Bổ sung nội dung danh sách cổ đông có quyền dự họp để cụ thể hóa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Điều lệ. Chuyển từ khoản 2 xuống, để phù hợp với tiêu đề. Cập nhật theo sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đm, gch ngang là b, b, b) SP, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịên, đm là nội dung được SP, BS)	Lý do
	đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).	trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư).	
	4.2 Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	Chuyển thành khoản 5, bỏ điểm 5.1 khoản 5 và sửa đổi, bổ sung như sau: 5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông: a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; b. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông (gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông) hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận.	
	5.2 Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có	c. Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp: - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Lược bỏ bớt cho ngắn gọn, súc tích; cập nhật lại dẫn chiếu và bảo đảm phù hợp với khoản 4,5 và 6 Điều 19 Điều lệ Công ty.

Stt	Quy chế hiện hành (<i>nghịên, đăm, gạch ngang là bỏ, bị SE, BS</i>)	Dự thảo Quy chế (<i>nghịên, đăm là nội dung được SE, BS</i>)	Lý do
	quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều 14 nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty; Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty; Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: 6.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. 6.2 Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải tập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định	- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu kiến nghị thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ Công ty. Trong thời hạn chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã kiến nghị và nêu rõ lý do từ chối kiến nghị; - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Lược bỏ những nội dung đã quy định tại Điều lệ Công ty, chỉ giữ lại quy định cần thiết.

Stt	Quy chế hiện hành (<i>nghiêng, đâm, gach ngang là bỏ, bị SE, BS</i>) <i>của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</i> <i>6.3 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</i> <i>6.4 Lá phiếu của người đại diện được ủy quyền có hiệu lực nếu trước khi bỏ phiếu Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản về việc hủy bỏ chỉ định ủy quyền.</i> <i>6.5 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</i> <i>6.6 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</i> <i>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</i> <i>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</i> <i>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</i> <i>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc</i>	Dự thảo Quy chế (<i>nghiêng, đâm là nội dung được SE, BS</i>) xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nếu trước đó chưa thông báo với Công ty.	Lý do
-----	---	---	-------

Stt	Quy chế hiện hành (nghịêng, dân, gach ngang là bỏ, bị SED, BS) hợp được triệu tập lại.	Dự thảo Quy chế (nghịêng, dân là nội dung được SED, BS)	Lý do
	7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: [...] 7.2 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiện lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. 8. Điều kiện tiến hành: 8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm 8.1 thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên. 8.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành theo quy định tại điểm 8.2 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.	7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: [...] Bổ 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.	Lượt bỏ do đã quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều 21 Điều lệ. Dẫn chiếu do Điều 20 Điều lệ đã quy định rất chi tiết.
	9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 9.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu tại cuộc họp;	9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 21 Điều lệ Công ty.	Dẫn chiếu do khoản 11 Điều 21 Điều lệ Công ty đã rất quy định chi tiết.

Sút	Quy chế hiện hành <i>(nghị định, đăđ, gach ngang là bỏ, bị SED, BS)</i>	Dự thảo Quy chế <i>(nghị định, đăđ là nội dung được SED, BS)</i>	Lý do
	9.2 Việc biên quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo hình thức bầu dân phiếu. theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.		
	10. Cách thức bỏ phiếu: 10.1. Biểu quyết bằng phiếu: - Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	10. Cách thức bỏ phiếu: a. Biểu quyết bằng phiếu: [...] - Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa và Ban kiểm phiếu sẽ hướng dẫn cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sử dụng phiếu biểu quyết khi biểu quyết từng vấn đề tại cuộc họp; - Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giữ phiếu để biểu quyết lần lượt các tình trạng "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến"; [...] Cổ đông có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử (gọi tắt là "bỏ phiếu từ xa"). Các cổ đông được bảo đảm rằng việc biểu	Bổ sung để làm rõ tách nhiệm của chủ tọa, ban kiểm phiếu,

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đm, gach ngang là bỏ, bị SED, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịên, đm là nội dung được SED, BS)	Lý do
	11. Cách thức biểu quyết: 11.1. Biểu quyết bằng phiếu: Việc biểu quyết các nội dung cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. 11.2 Đối với việc bầu cử: Ban bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông và tiến hành kiểm phiếu ngay khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban bầu cử phải kiểm tra tính hợp lệ của từng lá phiếu, kiểm tra lần lượt từng lá phiếu và ghi lại kết quả. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị và BKS. Toàn bộ lá phiếu kiểm xong phải được niêm phong và lưu tại Công ty.	quyết bằng hình thức này có giá trị tương đương với cách thức bỏ phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 11. Cách thức biểu quyết: a. Kiểm phiếu biểu quyết: - Ban kiểm phiếu thống kê số phiếu “tán thành” trước, số phiếu “không tán thành” sau, cuối cùng là số phiếu “không có ý kiến”; trong đó có cả phiếu biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”. Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số phiếu biểu quyết được phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng và ghi lại kết quả dưới sự giám sát của nhân sự giám sát và tất cả thành viên Ban kiểm phiếu phải ký xác nhận kết quả kiểm phiếu. - Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các phiếu biểu quyết này sẽ bao gồm kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra, tổng hợp cùng với phiếu biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội. b. Kiểm phiếu bầu cử: - Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông và tiến hành kiểm phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc; - Ban kiểm phiếu phải kiểm tra tính hợp lệ của từng lá phiếu, kiểm tra lần lượt từng lá phiếu và ghi lại kết quả dưới sự giám sát của nhân sự giám sát và tất cả thành viên Ban kiểm phiếu phải ký xác nhận kết quả kiểm phiếu. c. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu với các nội dung: Tổng số cổ đông tham gia dự họp và biểu quyết, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ	Bổ sung đề phù hợp với khoản 10 Điều 22 Điều lệ Công ty. Chuyển từ khoản 10 xuống và biên tập lại cho đầy đủ, súc tích.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịêng, đăđ, gach ngang là bỏ, bi SE, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịêng, đăđ là nội dung được SE, BS)	Lý do
		lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. d. Công ty có thể áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, áp dụng mã vạch hoặc mã QR để nhận dạng phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử nhằm tránh sai sót. e. Biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu cử đã được kiểm phiếu sẽ được niêm phong và lưu trữ tại trụ sở Công ty.	
	13. Thông qua kết quả kiểm phiếu: 13.1. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được Chủ toạ công bố ngay sau khi bế mạc. 13.2. Kết quả kiểm phiếu bầu cử sẽ do Ban bầu cử công bố. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử được ban hành cụ thể trong mỗi đợt bầu cử.	13. Thông qua kết quả kiểm phiếu: a. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được Chủ toạ công bố ngay khi hoàn thành việc kiểm phiếu biểu quyết từng vấn đề; b. Trường ban kiểm phiếu bầu cử sẽ đọc kết quả kiểm phiếu bầu cử sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.	Sửa đổi, bổ sung để sát với thực tế tổ chức ĐHĐCĐ và gọn, súc tích hơn.
	14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115	14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: a. Trong trường hợp cổ đông phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông việc phải đối này phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, mã số dự Đại hội đồng cổ đông và nội dung, lý do về việc phản đối và chuyển về thư ký cuộc họp để ghi nhận vào biên bản Đại hội đồng	Bổ sung thêm một số trường hợp; biên tập lại cho ngắn gọn, súc tích.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịêng, dăm, gach ngang là bỏ, bị SF, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịêng, dăm là nội dung được SF, BS)	Lý do
	Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: [...] 14.1 Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vì phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty; 14.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty; 14.3 Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; 14.4 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	cổ đông. b. Cổ đông biểu quyết phân đôi nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu này phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến trụ sở chính của Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề này. c. Việc yêu cầu hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty. Mọi chỉ phi liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu chỉ trả. d. Trong các trường hợp trên, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có kết quả giải quyết chính thức của Công ty hoặc có phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
5	Điều 5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty.	Dẫn chiếu đến Điều lệ, do Điều lệ đã quy định cụ thể.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đām, gach ngang là bō, bị SD, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịên, đām là nōi dung được SD, BS)	Lý do
	2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định sau đây: 2.1 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, [...] 2.2 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...] 2.3 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây: [...] 2.4 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không năm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...] 2.5 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, [...] 2.6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 2.7 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.	Điều 23 Điều lệ Công ty đã quy định chi tiết nên chỉ quy định theo hướng dẫn chiều.
6	Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tuyến kết hợp họp nghị trực tiếp	qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tuyến kết hợp	
	1. Chưa quy định	1. Ngoài hình thức tổ chức hội nghị trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp hội nghị trực tiếp hoặc	Quy định rõ các trường hợp được phép tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực

Stt	Quy chế hiện hành (nghị định, đảm, gạch ngang là bỏ, bị SD, BS)	Dự thảo Quy chế (nghị định, đảm là nội dung được SD, BS)	Lý do
	1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 1.1 Trường hợp tổ chức Đại hội có hình thức trực tuyến, Ban tổ chức đại hội do Hội đồng quản trị thành lập, có trách nhiệm triển khai các thủ tục, Công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến. 1.2 Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp như quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty. 1.3 Thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng Phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Trong thông báo mời họp sẽ có đường link và các tài liệu hướng dẫn / quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bộ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến. 1.4 Việc công bố đường link và các tài liệu hướng dẫn sẽ được thực hiện trên website của Công ty chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. 2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực	các hình thức tương đương khác khi xảy ra các sự kiện sau: a. Các sự kiện bất khả kháng, bao gồm không giới hạn bởi thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, bạo động, khủng bố, ... các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc b. Các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp. 2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp hội nghị trực tiếp hoặc các hình thức tương đương khác, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức đã lựa chọn và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trước ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày dự định khai mạc Đại hội đồng cổ đông theo hình thức đó, với các nội dung cơ bản sau: a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông; d. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; e. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; f. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông qua kết quả kiểm phiếu; g. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. h. Công bố biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; i. Các vấn đề khác (nếu cần thiết).	tuyến hoặc hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp. Quy định chung, giao trách nhiệm cho HĐQT xây dựng quy chế tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức này để linh hoạt, theo kịp sự phát triển của công nghệ.

Stt	Quy chế hiện hành (nghiêng, đàm, gách ngang là bỏ, bị SD, BS)	Dự thảo Quy chế (nghiêng, đàm là nội dung được SD, BS)	Lý do
	tuyên: 2.1 Cổ đông truy cập vào đường link đã được Công ty công bố để thực hiện khai báo tư cách Cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Cổ đông thực hiện khai báo chính xác và đầy đủ các thông tin, Công ty sẽ thực hiện kiểm tra tư cách của cổ đông. 2.2 Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Công ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Công ty. 2.3 Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến: a. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về Công ty để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu. b. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định. Đăng ký tham dự đại hội trực tuyến: a. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty. Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực. b. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.		
7	Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	Bỏ (Từ đây, điều chỉnh thứ tự các điều, dẫn chiếu về sau)	Đã tích hợp vào Điều 6.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịêng, đăđ, gach ngang là bô, bị SD, BS)	Dự thảo Quy chế (nghięng, đăđ là nội dung được SD, BS)	Lý do
8	Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 3. Chưa quy định	3. Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị: a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận, tra cứu, truy vấn thông tin, tài liệu, hồ sơ không phụ thuộc vào việc Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành Công ty đã chủ động báo cáo hay chưa và/hoặc yêu cầu Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành Công ty cung cấp thông tin để thực hiện chức trách quản trị, giám sát, bao gồm nhưng không giới hạn ở các lĩnh vực sau: - Tổ chức - nhân sự; đầu tư - tài sản; tài chính - kế toán - vốn; sản xuất - chất lượng - nguyên liệu - tồn kho; thị trường - khách hàng - đơn hàng; phát triển sản phẩm; hợp đồng; công nợ; khiếu nại và các rủi ro trọng yếu của Công ty; - Thông tin về khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng; kế hoạch duy trì, phát triển khách hàng; kế hoạch về kết quả tìm kiếm khách hàng mới; tình hình chào hàng, chạy mẫu, đơn hàng, giá bán, điều kiện thương mại, công nợ, phân hồi, khiếu nại, trả hàng, chế tài/phạt, bồi thường và nguy cơ mất khách hàng. b. Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành hoặc các đơn vị khác của Công ty có nghĩa vụ bao gồm nhưng không giới hạn ở các nghĩa vụ sau: - Cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không được trì hoãn, che giấu, lựa chọn cung cấp một phần thông tin hoặc từ chối cung cấp, từ chối hợp Điều lệ Công ty và Pháp luật có quy định khác;	Bổ sung quyền được cung cấp thông tin của HĐQT theo quy định của Điều lệ.

Stt	Quy chế hiện hành (nghị định, quyết định, nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội)	Dự thảo Quy chế (nghị định, quyết định, nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội)	Lý do
		- Tổng Giám đốc có nghĩa vụ chủ động báo cáo Hội đồng quản trị về các sự kiện, vấn đề hoặc rủi ro trọng yếu có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính, sản xuất, chất lượng, nguyên liệu, khách hàng, thị trường, nhân sự, tài sản, uy tín hoặc kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. - Báo cáo, cung cấp thông tin và giải trình về các vấn đề khách liên quan đến hoạt động của Công ty. c. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị sử dụng thông tin sai mục đích hoặc tiết lộ/làm lộ thông tin thì thành viên đó sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về toàn bộ thiệt hại mà Công ty phải gánh chịu (nếu có); d. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin, tài liệu cho Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Chương X Điều lệ Công ty.	Dẫn chiếu do Điều lệ đã quy định chi tiết
9	Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty [...] 1.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị [...] 2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:	viên Hội đồng quản trị 1. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty. 2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty. 5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:	Dẫn chiếu đến Điều lệ do Điều lệ đã quy định chi tiết. Cập nhật theo khoản 4 Điều 28 Điều lệ.

Stt	Quy chế hiện hành (<i>nghiêng, đậm, gạch ngang là bỏ, bị SF, BS</i>)	Dự thảo Quy chế (<i>nghiêng, đậm là nội dung được SF, BS</i>)	Lý do
	5.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện <i>theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp</i>; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. <i>Trường hợp khác quy định tại khoản Điều 28 Điều lệ Công ty</i>; 5.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b. <i>Trường hợp khác quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty</i>;	a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện <i>quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty; Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thu thập bằng chứng, thu thập thông tin và đề xuất, trình Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua và ra nghị quyết bằng văn bản</i>; - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị tiếp nhận đơn, thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc miễn nhiệm tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp này, thành viên này sẽ không được quyền thảo luận và biểu quyết các quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày Hội đồng quản trị tiếp nhận đơn; - <i>Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>; b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: - <i>Thành viên đó vắng mặt</i>, không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng <i>theo quy định của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thu thập bằng chứng, thu thập thông tin và đề xuất, trình Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua và ra nghị quyết bằng văn bản</i>; - <i>Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>; c. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: - Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật theo khoản 5 Điều 27 Điều lệ

Stt	Quy chế hiện hành (<i>nghiêng, đảm, gạch ngang là bỏ, bị SE, BS</i>)	Dự thảo Quy chế (<i>nghiêng, đảm là nội dung được SE, BS</i>)	Lý do
	a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giám xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3, Điều 28 Điều lệ Công ty. c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại nghị quyết có hiệu lực của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật: - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giám xuống, không bảo đảm tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty; - Trừ trường hai hợp như trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
	7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị <i>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu; ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</i> <i>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</i> <i>b. Trình độ chuyên môn; Trình độ học vấn;</i> <i>c. Quá trình công tác;</i>	7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo đúng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty với hồ sơ theo quy định tại trụ sở chính của Công ty hoặc gửi cho Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị công bố thông tin về ứng viên theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. b. Dựa hồ sơ ứng cử, đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông và hồ sơ, tài liệu kèm theo, Chủ tọa giới thiệu các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để bầu thành viên Hội đồng quản trị; c. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông	Sửa đổi để không trùng lặp với điểm b khoản 3 Điều này.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đm, gach ngang là bô, bị SD, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịên, đm là nội dung được SD, BS)	Lý do
	d. Các chức danh quân lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quân trị của Công ty khác); đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty; g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quân trị, các chức danh quân lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quân trị (nếu có). 8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quân trị: 8.1 Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quân trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quân trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch. 8.2 Chủ tịch Hội đồng quân trị không được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành. 8.3 Chủ tịch Hội đồng quân trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quân trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 28 Điều lệ Công ty. 8.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quân trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn, Hội đồng quân trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	qua đề cử, vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quân trị đương nhiệm sẽ công bố quy trình giới thiệu thành viên Hội đồng quân trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi Hội đồng quân trị hoặc Ban kiểm soát hoặc cổ đông/nhóm cổ đông khác tiến hành đề cử. 8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quân trị: a. Hội đồng quân trị lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quân trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quân trị. Ứng viên được lựa chọn bầu Chủ tịch Hội đồng quân trị khi đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty. Việc bầu Chủ tịch Hội đồng quân trị được thực hiện trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quân trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quân trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quân trị. b. Chủ tịch Hội đồng quân trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quân trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quân trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng quân trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Hội	Sửa đổi, bổ sung theo khoản 4 Điều 27 và khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty.

Stt	Quy chế hiện hành (nghiêng, đậm, gạch ngang là bỏ, bị SED, BS)	Dự thảo Quy chế (nghiêng, đậm là nội dung được SED, BS)	Lý do
		đồng quản trị nhận được đơn từ chức hoặc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.	
10	Điều 9. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. [...]	Thủ lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.	Dẫn chiếu cho ngắn gọn, súc tích. Điều 29 Điều lệ Công ty đã quy định chi tiết.
11	Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị		
	1. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị 1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. 1.2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần hoặc họp bất thường theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 32 của Điều lệ. 1.3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết. 1.4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.	1. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị a. Cuộc họp đầu tiên: Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập cuộc họp này. b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị không được trì hoãn thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần hoặc họp bất thường khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của một trong các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này. c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị vì trước đó đã thông báo rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Hội đồng quản trị cứ một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một trong các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị. d. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm	Bổ sung theo khoản 1 Điều 31 Điều lệ. Bổ sung theo khoản 4 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Sst	Quy chế hiện hành (nghiêng, đâm, gach ngang là bỏ, bị SED, BS)	Dự thảo Quy chế (nghiêng, đâm là nội dung được SED, BS)	Lý do
12	Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	chủ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng quản trị và mời, gửi tài liệu các cá nhân khác tham dự họp Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên theo thời hạn và phương thức quy định tại khoản 3 Điều này nếu xét thấy cần thiết; các cá nhân này được khi dự họp được quyền phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.	Bổ sung để làm rõ thủ tục chuẩn bị họp.
	3. Chưa quy định	3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát: a. Tài liệu, thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức gửi như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; - Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị; - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành. b. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý/điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý/điều hành khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.	Do Điều lệ Công ty chưa quy định chi tiết nên cập nhật, bổ sung theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Stt	Quy chế hiện hành (nghị định, nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban, Ủy ban, Ủy ban)	Dự thảo Quy chế (nghị định, nghị quyết, nghị quyết của Ủy ban, Ủy ban, Ủy ban)	Lý do
13	Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát 4. Cách thức bầu Kiểm soát viên: Việc bầu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cử tri chỉ được bầu một số phiếu tương ứng với tổng số cử tri của Ban Kiểm soát và cử nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cử đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.	4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên): Việc bầu thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tiến hành tương tự như trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này.	Dẫn chiếu đến bầu thành viên HĐQT cho ngắn gọn, súc tích.
14	Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: a. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và khoản 5 Điều 37 Điều lệ Công ty. 3. Trách nhiệm của Tổng giám đốc: 3.1 Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. 3.2 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty. 3.3 Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh	2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Điều lệ Công ty. 3. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc: Trách nhiệm của Tổng Giám đốc thực hiện theo các quy định tại Chương X Điều lệ Công ty.	Cập nhật theo Điều 36 Điều lệ Công ty. Dẫn chiếu đến Chương X của Điều lệ Công ty, do Chương này đã quy định chi tiết trách nhiệm của TGD.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đân, gach ngung là bô, bị SD, BS)	Dự thảo Quy chế (nghien, đân là nội dung được SD, BS)	Lý do
	doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 3.4 Trường hợp điều hành trái với quy định pháp luật mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.		
15	Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng	b. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:	Dẫn chiếu đến khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty do đã quy định chi tiết.
	1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp. b. Người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty. c. Đối với Công ty con của Công ty có phần vốn góp của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, b Khoản này, Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.	Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 36 Điều lệ Công ty. - Trường hợp Tổng Giám đốc đã nộp đơn từ chức mà Hội đồng quản trị chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế thì Tổng Giám đốc này vẫn phải tiếp tục thực hiện quyền	
	4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: 4.1 Miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty; b. Có đơn xin nghỉ việc. 4.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn ý của Chủ tịch Hội	4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: a. Miễn nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc: - Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 36 Điều lệ Công ty. - Trường hợp Tổng Giám đốc đã nộp đơn từ chức mà Hội đồng quản trị chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế thì Tổng Giám đốc này vẫn phải tiếp tục thực hiện quyền	Dẫn chiếu đến K7.Đ36 Điều lệ Công ty vì đã quy định chi tiết. Xác định trách nhiệm của TGD trong thời gian HĐQT

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đằm, gach ngang là bỏ, bị (SĐ, BS))	Dự thảo Quy chế (nghịên, đằm là nội dung được SĐ, BS)	Lý do
	đồng quản trị thì Tổng giám đốc vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm. 4.3 Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trong các trường hợp sau đây: a- Doanh nghiệp không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm; b- Doanh nghiệp vi phạm pháp luật; c- Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của doanh nghiệp; d- Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý Công ty; e- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.	và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty. b. Bãi nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 36 Điều lệ Công ty. c. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng làm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ thuộc diện Hội đồng quản trị quản lý và theo quy định của pháp luật lao động.	chưa bổ nhiệm người thay thế. Dẫn chiếu đến K8.Đ36 Điều lệ Công ty vì đã quy định chi tiết. Dẫn chiếu đến Quy chế này để được quy định chi tiết hơn.
16	Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người điều hành khác	Bỏ. (Nghịên cứu chuyển hóa nội dung này vào Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc diện Hội đồng quản trị quản lý)	Mẫu Quy chế nội bộ quản trị công ty của Thông tư 116/2020/TT-BTC không có quy định này.

Tp. Huế, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sợi Phú Bài;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường, số 313/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc, chính sách, quy định, quy trình để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
 - b. “Điều lệ” là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua ở từng thời điểm.
 - c. “Luật Kế toán” là Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20/

11/ 2015 và các Luật sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

- d. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - e. “Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến sử dụng mạng internet và/hoặc các phương thức điện tử khác để tham gia, thảo luận và bỏ phiếu từ xa.
 - f. “Bỏ phiếu điện tử” là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua internet và/hoặc phương thức điện tử khác bằng hệ thống được xây dựng bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử.
 - g. “Hệ thống” là tổng hợp hạ tầng công nghệ thông tin do Công ty thiết lập. Cổ đông có thể truy cập vào Hệ thống để đăng ký tham dự, theo dõi diễn biến và thảo luận các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn của Công ty.
2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty hoặc văn bản Pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin cho cổ đông

- 1. Vai trò: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Được quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.
- 3. Cung cấp thông tin cho cổ đông:
 - a. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông nói chung và quyền yêu cầu Công ty cung cấp thông tin cho cổ đông như sau:
 - i. Thời điểm tài khoản lưu ý chứng khoán của cổ đông mở tại thành viên lưu ký chứng khoán có ghi nhận số dư cổ phiếu của Công ty;
 - ii. Thời điểm tên và thông tin của cổ đông được ghi vào Sổ cổ đông của Công ty (áp dụng đối với cổ phiếu của Công ty chưa được cổ đông lưu ký).
 - b. Trình tự, thủ tục cổ đông thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin như sau:
 - i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục và sửa đổi thông tin quy định tại điểm (e) hoặc/và xem xét, tra cứu, trích lục, sao chụp thông tin quy định tại điểm (f) khoản 2 Điều 13 Điều lệ Công ty thì thực hiện như sau:
 - Đối với yêu cầu sửa đổi thông tin chưa chính xác của mình: Cổ đông đã lưu ý cổ phiếu của mình gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký; cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu của mình gửi yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng quản trị Công ty thông qua Thư ký Công ty;
 - Đối với yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến tên, địa chỉ

liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết hoặc xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty: Cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Thư ký Công ty để được cung cấp tài liệu trên và phải có trách nhiệm bảo mật thông tin, tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân được Công ty cung cấp. Trường hợp cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu chính thì phải trả chi phí bưu chính cho Công ty trước khi nhận tài liệu.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục sổ Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; báo cáo tài chính bán niên và hằng năm; báo cáo của Ban kiểm soát; hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty thì thực hiện như sau:

+ Gửi yêu cầu bằng văn bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy lễ tân tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải có đầy đủ các thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, vấn đề yêu cầu, chữ ký của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, phân công người giải trình (nếu cần) và cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp từ chối yêu cầu thì phải trả lời cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông bằng văn bản;

+ Cổ đông nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải trả phí (bao gồm cả phí bưu chính) cho Công ty trước khi nhận bản trích lục, sao chụp tài liệu.

ii. Cổ đông nhóm cổ đông có nhu cầu làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện theo trình tự sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... phải đăng ký với Thư ký Công ty;

- Thư ký Công ty báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp;

- Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định làm việc trực tiếp hoặc phân công người có thẩm quyền làm việc trực tiếp với cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thư ký Công ty thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có);

- Thư ký Công ty có trách nhiệm lập Biên bản làm việc giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc hoặc người có thẩm quyền của Công ty với cổ đông hoặc nhóm cổ đông; lưu hồ sơ buổi làm việc theo quy định của Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Hội đồng quản trị quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty;

- b. Ban kiểm soát hoặc cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong những trường hợp quy định tại điểm (b), (c) khoản 4 Điều 15 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp:

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Danh cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức gửi thư thông qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc bằng phương thức liên lạc khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với Công ty, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư).

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông (gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông) hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.
- c. Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp:
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ Công ty. Trong thời hạn chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông hoặc

nhóm cổ đông đã kiến nghị và nêu rõ lý do từ chối kiến nghị;

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty phải lập thành văn bản theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền;
- b. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền và xuất trình giấy tờ pháp lý của cá nhân để kiểm tra khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử (email) cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

9. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 21 Điều lệ Công ty.

10. Cách thức biểu quyết/bỏ phiếu:

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

a. Biểu quyết bằng phiếu:

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa và Ban kiểm phiếu sẽ hướng dẫn cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sử dụng phiếu biểu quyết khi biểu quyết từng vấn đề tại cuộc họp;
- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ phiếu để biểu quyết lần lượt các tình trạng “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”.

Cổ đông có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử (gọi tắt là “bỏ phiếu từ xa”). Các cổ đông được bảo đảm rằng việc

biểu quyết bằng hình thức này có giá trị tương đương với cách thức bỏ phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: mỗi cổ đông được phát phiếu bầu. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu bầu cử (gọi tắt là Ban bầu cử) theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban bầu cử do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

11. Cách thức kiểm phiếu:

a. Kiểm phiếu biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu thống kê số phiếu “tán thành” trước, số phiếu “không tán thành” sau, cuối cùng là số phiếu “không có ý kiến”; trong đó có cả phiếu biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”. Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số phiếu biểu quyết được phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng và ghi lại kết quả dưới sự giám sát của nhân sự giám sát và tất cả thành viên Ban kiểm phiếu phải ký xác nhận kết quả kiểm phiếu.
- Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các phiếu biểu quyết này sẽ bao gồm kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra, tổng hợp cùng với phiếu biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội.

b. Kiểm phiếu bầu cử:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông và tiến hành kiểm phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc;
- Ban kiểm phiếu phải kiểm tra tính hợp lệ của từng lá phiếu, kiểm tra lần lượt từng lá phiếu và ghi lại kết quả dưới sự giám sát của nhân sự giám sát và tất cả thành viên Ban kiểm phiếu phải ký xác nhận kết quả kiểm phiếu.

c. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu với các nội dung: Tổng số cổ đông tham gia dự họp và biểu quyết, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).

d. Công ty có thể áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, áp dụng mã vạch hoặc mã QR (Quick Response - mã phản hồi nhanh) để nhận dạng phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử nhằm tránh sai sót.

e. Biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu cử đã được kiểm phiếu sẽ được niêm phong và lưu trữ tại trụ sở Công ty.

12. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

- a. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được Chủ tọa công bố ngay khi hoàn thành việc kiểm phiếu biểu quyết từng vấn đề;
- b. Trưởng Ban kiểm phiếu bầu cử sẽ đọc kết quả kiểm phiếu bầu cử sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

14. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- a. Trong trường hợp cổ đông phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông việc phải đối này phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, mã số dự Đại hội đồng cổ đông và nội dung, lý do về việc phản đối và chuyển về thư ký cuộc họp để ghi nhận vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông.
- b. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu này phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến trụ sở chính của Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về vấn đề này.
- c. Việc yêu cầu hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu chi trả.
- d. Trong các trường hợp trên, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có kết quả giải quyết chính thức của Công ty hoặc có phán quyết có hiệu lực Pháp luật của Tòa án hoặc Trọng về việc hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

15. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản, thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập Biên bản và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữ Biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong Biên bản tiếng Việt được áp dụng; ngoài ra, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- Sổ cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp thì Biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định trên. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp.

- b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu có liên quan phải được công bố thông tin theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tuyến kết hợp họp nghị trực tiếp

1. Ngoài hình thức tổ chức hội nghị trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp hội nghị trực tiếp hoặc các hình thức tương đương khác khi xảy ra các sự kiện sau:
 - a. Các sự kiện bất khả kháng, bao gồm không giới hạn bởi thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, bạo động, khủng bố, ... các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc
 - b. Các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp.
2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp hội nghị trực tiếp hoặc các hình thức tương đương khác, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức đã lựa chọn và công bố trên trang thông

tin điện tử của Công ty trước ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày dự định khai mạc Đại hội đồng cổ đông theo hình thức đó, với các nội dung cơ bản sau:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông qua kết quả kiểm phiếu;
- g. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- h. Công bố Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- i. Các vấn đề khác (nếu cần thiết).

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 28 Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
3. Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận, tra cứu, truy vấn thông tin, tài liệu, hồ sơ không phụ thuộc vào việc Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành Công ty đã chủ động báo cáo hay chưa và/hoặc yêu cầu Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành Công ty cung cấp thông tin để thực hiện chức trách quản trị, giám sát, bao gồm nhưng không giới hạn ở các lĩnh vực sau:
 - Tổ chức - nhân sự; đầu tư - tài sản; tài chính - kế toán - vốn; sản xuất - chất lượng - nguyên liệu - tồn kho; thị trường - khách hàng - đơn hàng; phát triển sản phẩm; hợp đồng; công nợ; khiếu nại và các rủi ro trọng yếu của Công ty;
 - Thông tin về khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng; kế hoạch duy trì, phát triển khách hàng; kế hoạch về kết quả tìm kiếm khách hàng mới; tình hình chào hàng, chạy mẫu, đơn hàng, giá bán, điều kiện thương mại, công nợ, phản hồi, khiếu nại, trả hàng, chế tài/phạt, bồi thương và nguy cơ mất khách hàng.
 - b. Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành hoặc các đơn vị khác của Công ty có nghĩa vụ bao gồm nhưng không giới hạn ở các nghĩa vụ sau:
 - Cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không được trì hoãn, che giấu, lựa chọn cung cấp một phần thông tin hoặc từ chối cung cấp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty và Pháp luật có quy định khác;
 - Tổng Giám đốc có nghĩa vụ chủ động báo cáo Hội đồng quản trị về các sự kiện, vấn đề hoặc rủi ro trọng yếu có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài

chính, sản xuất, chất lượng, nguyên liệu, khách hàng, thị trường, nhận sự, tài sản, uy tín hoặc kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Báo cáo, cung cấp thông tin và giải trình về các vấn đề khách liên quan đến hoạt động của Công ty.
 - c. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị sử dụng thông tin sai mục đích hoặc tiết lộ/làm lộ thông tin thì thành viên đó sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về toàn bộ thiệt hại mà Công ty phải gánh chịu (nếu có);
 - d. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin, tài liệu cho Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Chương X Điều lệ Công ty.

Điều 8: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.
3. Đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền ứng cử, đề cử người để Đại hội đồng cổ đông bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, số lượng ứng viên thông qua tự ứng cử, đề cử như sau:
 - Từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
 - Từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - Từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - Từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - Từ năm mươi (50)% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên đủ để bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

- b. Hồ sơ đề cử, ứng cử để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc khi Đại hội đồng cổ đông và được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên. Hồ sơ đề cử, ứng cử bầu làm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm những thông tin, tài liệu sau:
 - Thông tin liên quan đến ứng viên:
 - + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;
 - + Quá trình công tác, bao gồm cả các công ty mà ứng viên nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên và/hoặc các chức danh quản lý khác;

- + Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty hoặc những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ của ứng viên khi được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị (nếu cần thiết);
- + Các thông tin, tài liệu nếu xét thấy có liên quan đến việc xem xét các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- Cam kết của ứng viên về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp; cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- Họ, tên hoặc thông tin của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có). Trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử phải nộp kèm danh sách cổ đông trong nhóm cổ đông đề cử và văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử ứng viên để Đại hội đồng cổ đông bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Phiếu bầu cử do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt; thông tin của cổ đông và tổng số phiếu bầu và đóng dấu Công ty.
- b. Phiếu bầu cử được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Khi nhận phiếu bầu cử, cổ đông phải kiểm tra lại thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.
- c. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - Phiếu không phải của Ban tổ chức phiếu phát hành;
 - Danh sách các ứng viên không đúng so với phiếu bầu cử đã được phát ra;
 - Phiếu bầu cử bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - Phiếu bầu cử có thông tin không đúng về cổ đông và tổng số phiếu bầu;
 - Các trường hợp khác theo quy định của quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật.
- d. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
- e. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi Biên bản kiểm phiếu được Chủ tọa phê chuẩn và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- f. Trường hợp đã tiến hành bầu cử mà không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị

cần bầu, Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

6. Các trường hợp miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty; Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thu thập bằng chứng, thu thập thông tin và đề xuất, trình Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua và ra Nghị quyết bằng văn bản;
- Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị tiếp nhận đơn, thực hiện công bố thông tin theo quy định Pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp này, thành viên này sẽ không được quyền thảo luận và biểu quyết các quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày Hội đồng quản trị tiếp nhận đơn;
- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Thành viên đó vắng mặt, không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định Pháp luật; Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thu thập bằng chứng, thu thập thông tin và đề xuất, trình Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua và ra Nghị quyết bằng văn bản để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bãi nhiệm tại kỳ họp gần nhất;
- Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

c. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại Nghị quyết có hiệu lực của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- Trừ trường hợp nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng quản trị do bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bầu bổ sung, Công ty phải công bố thông tin bất thường theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm cả việc công bố thông tin về việc nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

- a.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo đúng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty với hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và gửi về bộ phận văn thư tại trụ sở chính của Công ty hoặc gửi cho Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị công bố thông tin về ứng viên theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

- b. Dựa hồ sơ ứng cử, đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông và hồ sơ, tài liệu kèm theo, Chủ tọa giới thiệu các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ công bố quy trình giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc cổ đông/nhóm cổ đông khác tiến hành đề cử.
- 9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:**
- a. Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ứng viên được lựa chọn bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị khi đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty. Việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đơn từ chức hoặc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 9. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 10 Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị

- a. Cuộc họp đầu tiên: Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập cuộc họp này.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị không được trì hoãn thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần hoặc họp bất thường xét thấy khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của một trong các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.
- c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị vì trước đó đã thông báo rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Hội đồng quản trị cử một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một trong các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.
- d. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và mời, gửi tài liệu các cá nhân khác tham dự họp Hội đồng quản trị theo thời hạn và phương thức quy định tại khoản 3 Điều này nếu xét thấy cần thiết; các cá nhân này

được khi dự họp được quyền phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng sau khi một trong các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích của cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, trong trường hợp cần Hội đồng quản trị họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình tài chính của Công ty.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- a. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định.
- b. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng thông báo họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Thư ký có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của thành viên đó.
- c. Thông báo họp được Thư ký Công ty gửi cho từng thành viên Hội đồng quản trị bằng một hoặc các phương thức gửi thư thông qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc phương thức liên lạc khác bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty.
- d. Thông báo mời họp đồng thời cũng được gửi cho từng Kiểm soát viên theo thời hạn và tương tự như gửi cho từng thành viên Hội đồng quản trị.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- a. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.
- b. Trường hợp cuộc Hội đồng quản trị đã được triệu tập nhưng không đủ số lượng thành viên tham dự theo quy định tại điểm a khoản này thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- c. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ hai nhưng không đủ một nửa (1/2) số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

b. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

c. Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp:

- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

- d. Biểu quyết theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:
Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
7. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị:
- Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.
 - Nghị quyết, Quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa (trên 50%) số thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến và có quyền biểu quyết. Trường hợp, ý kiến tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì thực hiện theo quy định tại khoản điểm a khoản này. Nghị quyết, Quyết định trong trường hợp này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết, Quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:
- Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền bằng văn bản cho một (01) thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và gửi văn bản ủy quyền đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.
 - Thành viên Hội đồng quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.
9. Lập Biên bản họp Hội đồng quản trị:
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi Biên bản và thư ký cuộc họp Hội đồng quản trị có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác để đảm bảo tính chính xác nội dung, diễn biến, kết quả cuộc họp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh), bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi Biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh) thì nội dung trong Biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

- b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - c. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - d. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển Biên bản họp và Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt) và Biên bản đó là bằng chứng xác thực công việc đã được tiến hành trong cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày chuyển đi.
 - e. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
10. Trường hợp chủ tọa, thư ký cuộc họp/người ghi Biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, thư ký cuộc họp/người ghi Biên bản từ chối ký Biên bản họp có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này nhưng được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp ký thì Biên bản vẫn có hiệu lực.

11. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành văn bản Nghị quyết, Quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua. Trong một số trường hợp (Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo mình vắng mặt, không có khả năng thực hiện nhiệm vụ và ủy quyền cho người khác tham dự họp), thành viên khác của Hội đồng quản trị có thể thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành văn bản Nghị quyết, Quyết định đã được Hội đồng quản trị nhưng phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Các văn bản Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được Thư ký Công ty gửi cho tất cả thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị đã phản đối Nghị quyết, Quyết định đó tại cuộc họp), Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc những người quản lý/điều hành khác khi thấy cần thiết để thực hiện Nghị quyết, Quyết định đó.
- c. Các văn bản Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị thuộc phạm vi phải công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải được công bố thông tin theo quy định đó.

12. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp/người ghi Biên bản ghi ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết, Quyết định công bố ngay tại cuộc họp hoặc gửi văn bản phản đối Nghị quyết, Quyết định đến Chủ tịch Hội đồng quản trị nếu Nghị quyết, Quyết định được công bố sau cuộc họp.
- b. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị đã phản đối nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ Nghị quyết, Quyết định này cho đến khi có

phán quyết có hiệu lực của trọng tài hoặc tòa án về việc hủy Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hiện tại, Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. Thay đó, thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, báo cáo Hội đồng quản trị và đề xuất xử lý đối với lĩnh vực được phân công; việc phân công không làm phát sinh quyền điều hành trực tiếp và không thay thế trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Cơ quan điều hành hoặc người đứng đầu đơn vị trong việc tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả.
2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định thành lập các tiểu ban chính thức (như Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng) theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty. Quyết định thành lập tiểu ban phải xác định rõ phạm vi nhiệm vụ, thành phần, quy chế hoạt động và cơ chế báo cáo với Hội đồng quản trị.

Điều 12. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Việc lựa chọn; tiêu chuẩn; bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty.
2. Các trường hợp miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong các trường hợp sau đây:

- a. Người phụ trách quản trị Công ty không còn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty;
 - b. Người phụ trách quản trị Công ty không hoàn thành nghĩa vụ được quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty;
 - c. Khi có đơn từ nhiệm của Người phụ trách quản trị Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - d. Hợp đồng lao động hết thời hạn và không được gia hạn; bị chấm dứt hợp đồng lao động, nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật.
3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty phải được công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định cụ thể tại Điều 170 Luật Doanh

ngiệp; Điều 40 Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và khoản 3 Điều này.

3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

- a. Tài liệu, thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức gửi như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
- c. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý/điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý/điều hành khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

4. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên):

Thực hiện theo quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

- a. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên (Kiểm soát viên có chứng chỉ hành nghề kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên).

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên):

Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện ứng khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty và ít nhất có một (01) thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có chứng chỉ hành nghề kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên.

3. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên):

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền ứng cử, đề cử người để Đại hội đồng cổ đông bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), số lượng ứng viên thông qua tự ứng cử, đề cử như sau:
 - Từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
 - Từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - Từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - Từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - Từ năm mươi (50)% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên đủ để bầu thành viên Ban

kiểm soát (Kiểm soát viên).

Trường hợp số lượng ứng cử viên để bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

b. Hồ sơ đề cử, ứng cử để bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải được gửi về Ban kiểm soát đương nhiệm hoặc Thư ký Công ty hoặc bộ phận khác của Công ty chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông và được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên. Hồ sơ đề cử, ứng cử để bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) bao gồm những thông tin, tài liệu sau:

- Thông tin liên quan đến ứng viên:
 - + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - + Trình độ học vấn; trình độ chuyên môn;
 - + Quá trình công tác; bao gồm cả các công ty mà ứng viên nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và/hoặc các chức danh quản lý khác;
 - + Quan hệ của ứng viên với những người có liên quan của Công ty;
 - + Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty;
 - + Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty hoặc những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ của ứng viên khi được bầu làm thành viên Ban kiểm soát (nếu cần thiết);
 - + Các thông tin, tài liệu nếu xét thấy có liên quan đến việc xem xét các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- Cam kết của ứng viên về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp; cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).
- Họ, tên hoặc thông tin của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có). Trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử phải nộp kèm danh sách cổ đông trong nhóm cổ đông đề cử và văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử ứng viên để Đại hội đồng cổ đông bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên):

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tiến hành tương tự như trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

5. Các trường hợp miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên):

a. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty; Trường Ban kiểm soát chịu

trách nhiệm thu thập thông tin, đề xuất và biểu quyết thông qua việc trình Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm đối với Kiểm soát viên đó;

- Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty. Ban kiểm soát tiếp nhận đơn, thực hiện công bố thông tin và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp này, Kiểm soát viên đó sẽ không được quyền thảo luận và biểu quyết các quyết định của Ban kiểm soát kể từ ngày Ban kiểm soát tiếp nhận đơn;
- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Pháp luật;
- Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định Điều lệ Công ty và của Luật Doanh nghiệp;
- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trừ trường hợp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc bãi nhiệm Kiểm soát viên theo các trường hợp nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát chịu trách nhiệm thu thập thông tin, bằng chứng, đề xuất và biểu quyết thông qua việc trình Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm đối với Kiểm soát viên đó.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên):

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) do bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bầu bổ sung, Công ty phải thực hiện thủ tục báo cáo, công bố thông tin bất thường theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm cả việc công bố thông tin về việc nhận đơn từ chức của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).

7. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên):

Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thực hiện theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Vai trò của Tổng Giám đốc:

Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Điều lệ Công ty và theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc thực hiện theo các quy định tại Chương X Điều lệ Công ty.

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- a. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, có thời hạn không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

- b. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

- a. Trong cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể tự ứng cử chức danh Tổng Giám đốc hoặc các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể đề cử nhân sự phù hợp với chức danh Tổng Giám đốc để Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm.
 - b. Trường hợp có nhiều ứng cử viên cho chức danh Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và/hoặc thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt của Công ty, ...) nhằm lựa chọn ứng cử viên để bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
 - c. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc do người đề cử, ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:
 - Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
 - Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác hoặc quá trình công tác tại Công ty;
 - Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
 - Các tài liệu khác chứng minh ứng cử viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.
 - d. Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết theo quy định của Quy chế này để Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc và/hoặc ký Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc.
 - e. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (không tính biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
- #### 3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:
- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một (01) người khác làm Tổng Giám đốc;
 - b. Nếu Tổng Giám đốc được bổ nhiệm từ một trong các thành viên của Hội đồng quản trị hoặc một cá nhân khác đang có hợp đồng lao động còn hiệu lực với Công ty thì

không cần ký hợp đồng lao động, chỉ cần ban hành quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký.

- c. Trường hợp thuê người khác làm Tổng Giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với người đó. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ vị trí công việc làm Tổng Giám đốc, nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Ngoài ra các nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của Pháp luật lao động.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

a. Miễn nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 36 Điều lệ Công ty.
- Trường hợp Tổng Giám đốc đã nộp đơn từ chức mà Hội đồng quản trị chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế thì Tổng Giám đốc này vẫn phải tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

b. Bãi nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng lao động làm Tổng Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 36 Điều lệ Công ty.

- c. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và/hoặc chấm dứt hợp đồng làm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ thuộc diện Hội đồng quản trị quản lý và theo quy định của Pháp luật lao động.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Tất cả các trường hợp thay đổi Tổng Giám đốc do bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, Công ty phải thực hiện thủ tục báo cáo, công bố thông tin bất thường theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm cả việc công bố thông tin về việc nhận đơn từ chức của Tổng Giám đốc.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

- a. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- b. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám Đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi Biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.
 - b. Khi có vấn đề phát sinh cần sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ triệu tập cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc hoặc tích hợp vào cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Người triệu tập các cuộc họp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng quản trị và đại biểu được mời họp.
 - d. Thông báo mời họp phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thông báo họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định.
 - e. Tài liệu họp của phiên họp phải được gửi kèm cùng thông báo họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay Thư ký có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của người này.
 - f. Thông báo họp và/hoặc tài liệu họp được gửi bằng phương thức gửi thư qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc phương thức liên lạc khác bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã đăng ký với Công ty và Tổng Giám đốc.
 - g. Các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu như quy định tại Biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - h. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một số nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi có yêu cầu.
2. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:
Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày ký.
 3. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc
Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng Giám đốc trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày ký.
 4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:
 - a. Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác được đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty khi xét thấy có những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty, cụ thể:
 - Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
 - Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc;

- Các giao dịch, hợp đồng mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;
- Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- Các nội dung vượt quá thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc.

- b. Những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn, quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.
5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:
 - a. Các báo cáo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao phải được tích hợp thành một mục riêng trong chương trình họp Hội đồng quản trị.
 - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ kịp thời báo cáo các nội dung liên quan đến thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của từng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị.
6. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:
 - a. Định kỳ vào tháng đầu tiên của mỗi Quý, Tổng Giám đốc phải báo cáo, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.
 - b. Báo cáo kiểm điểm của Tổng Giám đốc được tích hợp thành một mục riêng trong chương trình họp Hội đồng quản trị thường kỳ (mỗi quý một (01) lần).
7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
 - b. Tổng Giám đốc, người điều hành khác được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu và theo cách thức mà thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu.
 - c. Tài liệu và thông tin của Tổng Giám đốc, người điều hành khác phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - d. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý, người điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - e. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

a. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.
- Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của những người quản lý, điều hành Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người này với tổ chức, cá nhân có liên quan và có lợi ích để phát hiện; giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty.
- Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông.
- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Kiểm soát viên không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

b. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc:

- Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái Pháp luật; trái với quy định của Nhà nước; trái với Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.
- Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái Pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ, ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
- Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế

hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án giải quyết thì Hội đồng quản trị sẽ ra Nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 18. Quy định về đánh giá hằng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty:
 - a. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác, Thư ký Công ty (nếu cần thiết).
 - b. Trường Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phân công của từng thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).
 - c. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các đơn vị, chức danh khác trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình trên cơ sở căn cứ vào quy chế quản lý nội bộ của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng đơn vị, chức danh
 - d. Việc đánh giá các chức danh, đơn vị của Công ty để phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
 - Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
 - Hoàn thành nhiệm vụ;
 - Chưa hoàn thành nhiệm vụ.
2. Khen thưởng:
 - a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và kết quả đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc cùng quy chế, quy định về khen thưởng của Công ty để đề xuất mức khen thưởng đối với các đơn vị, cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.
 - b. Hình thức khen thưởng:
 - Bằng tiền; và/hoặc
 - Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên, nếu có đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; và hoặc
 - Các hình thức khác (nếu có).
 - c. Nguồn kinh phí khen thưởng:
 - Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quyết định trong phạm vi quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng được Đại hội đồng cổ đông thông qua và/hoặc trích từ Quỹ khen thưởng để thực hiện việc khen thưởng.
 - Đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác, các chức danh, đơn vị trong Công ty: Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng; các quỹ tương đương khác của Công ty.

d. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

3. Xử lý vi phạm và kỷ luật:

- a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của Pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định Pháp luật và quy chế, quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của Pháp luật.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài bao gồm 6 chương, **19 điều** đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 313/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị họp xem xét, quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.
3. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Chủ tịch hội đồng quản trị ký ban hành.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng các phòng/ban; người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Tân

BẢNG THUYẾT MINH
MỘT SỐ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
(Kèm theo Tờ trình số 310/TTr-HĐQT ngày 24/08/2026)

Sst	Quy chế hiện hành <i>(nghịênng, đđm, gđch ngang là bỏ, bị SE), BS</i>	Dự thảo Quy chế <i>(nghiênng, đđm là nội dung được SE), BS)</i>	Lý do
1	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.	2. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số thành viên, các thành viên có ý kiến khác với đa số được quyền bảo lưu ý kiến của mình bằng văn bản . Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.	Bổ sung đề phù hợp với Điều lệ và đúng bản chất về cách thức làm việc của HĐQT theo quy định pháp luật.
	3. Chưa quy định	3. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc chia sẻ trách nhiệm, hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm được giao của thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung thêm 04 nguyên tắc quản trị đề phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT
	5. Chưa quy định	5. Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, mục tiêu, kế hoạch, ngân sách, chính sách, nguyên tắc, hạn mức và các vấn đề thuộc thẩm quyền; Tổng Giám đốc chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, phân cấp hoặc ủy quyền. Trường hợp vượt hạn mức, ngoài ngân sách hoặc ngoài phạm vi được phân cấp, ủy quyền thì Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trước khi thực hiện.	
	6. Chưa quy định	6. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị, quyết định và giám sát; không trực tiếp thực hiện thay chức năng điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc. Việc Hội	

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đm, gach ngang là bô, bi SE, BS)	Dự thảo Quy chế (nghien, đm là nội dung được SE, BS)	Lý do
		đồng quản trị phê duyệt, giám sát, yêu cầu báo cáo, yêu cầu giải trình hoặc đưa ra ý kiến quản trị không làm thay đổi hoặc miễn trừ trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với hoạt động điều hành thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.	
	7. Chưa quy định	7. Không được chia nhỏ dự án, giao dịch, hợp đồng, khoản mua sắm, khoản vay hoặc các nội dung có cùng mục tiêu, cùng đối tượng hoặc có liên quan với nhau thành nhiều phần nhằm thay đổi hoặc né tránh thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.	
2	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Bỏ	Công ty hiện nay theo mô hình có BKS và không có thành viên HĐQT độc lập.
3	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.	1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận, tra cứu, truy vấn thông tin, tài liệu, hồ sơ không phụ thuộc vào việc Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành Công ty đã chủ động báo cáo hay chưa và/hoặc yêu cầu Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành Công ty cung cấp thông tin để thực hiện chức trách quản trị, giám sát, bao gồm nhưng không giới hạn ở các lĩnh vực sau: a. Tổ chức - nhân sự; đầu tư - tài sản; tài chính - kế toán - vốn; sản xuất - chất lượng - nguyên liệu - tồn kho; thị trường - khách hàng - đơn hàng; phát triển sản phẩm; hợp đồng; công nợ; khiếu nại và các rủi ro trọng yếu của Công ty; b. Thông tin về khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng; kế hoạch duy trì, phát triển khách hàng; kế hoạch	Cập nhật, quy định chi tiết theo điểm (q) khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đm, gach ngang là bô, bị SD, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịên, đm là nội dung được SD, BS)	Lý do
		về kết quả tìm kiếm khách hàng mới; tình hình chào hàng, chạy mẫu, đơn hàng, giá bán, điều kiện thương mại, công nợ, phân hồi, khiếu nại, trả hàng, chế tài/phạt, bồi thường và nguy cơ mất khách hàng. 2. Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành hoặc các đơn vị khác của Công ty có nghĩa vụ bao gồm nhưng không giới hạn ở các nghĩa vụ sau: a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không được trì hoãn, che giấu, lựa chọn cung cấp một phần thông tin hoặc từ chối cung cấp, trì trệ trường hợp Điều lệ Công ty và Pháp luật có quy định khác; b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ chủ động báo cáo Hội đồng quản trị về các sự kiện, vấn đề hoặc rủi ro trọng yếu có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính, sản xuất, chất lượng, nguyên liệu, khách hàng, thị trường, nhận sự, tài sản, uy tín hoặc kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. c. Báo cáo, cung cấp thông tin và giải trình về các vấn đề khách liên quan đến hoạt động của Công ty.	

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đm, gach ngang là bô, bi SE, BS)	Dự thảo Quy chế (nghien, đm là nội dung được SE, BS)	Lý do
4	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 2. Chưa quy định	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành như sau: a. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05); b. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; c. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên. Trường hợp bầu bổ sung (do tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị) hoặc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế đó bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của thành viên trước đó. Bỏ	Cập nhật theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.
4	4. Điều 28 đến Điều 32 Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị. Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: [...] 3. Chưa quy định		Không liên quan đến nội dung cần quy định trong Điều này.
4		Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: [...] 3. Không phải là người có quan hệ gia đình đối của Tổng Giám đốc và những người quan lý khác của	Cập nhật theo khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Sst	Quy chế hiện hành (nghịên, đâm, gach ngang là bỏ, bị SD, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịên, đâm là nội dung được SD, BS) Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền quản lý của công ty mẹ; 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.	Lý do
5	d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo khoản 4, Điều 27 Điều lệ Công ty; Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc. 6. Người phụ trách quản trị Công ty: Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện tại Điều 6 Quy chế này, khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty và đặc biệt là không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Bỏ	Bổ sung để làm rõ ngoài việc không được làm TGD, chủ tịch còn phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện như các thành viên HĐQT khác theo quy định của Điều 6 Quy chế này, khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty Điều lệ đã quy định cụ thể về Người phụ trách quản trị Công ty nên không cần tiếp tục quy định trong Quy chế này.
6	Điều 8. Miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;	Cập nhật theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đm, gach ngang là bô, bi SE), BS 4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.	Dự thảo Quy chế (nghịên, đm là nội dung được SE, BS) 4. Việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu kín hoặc ghi phiếu biểu quyết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế họp Đại hội đồng cổ đông.	Lý do Tạo sự linh hoạt trong việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT.
8	Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, [...] Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: [...] a. Học tên, ngày, tháng, năm sinh b. Trình độ chuyên môn; c. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác); f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty;	1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, [...] Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm <i>các nội dung tối thiểu sau đây:</i> [...] a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; <i>trình độ học vấn</i>, trình độ chuyên môn; c. <i>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên và/hoặc các chức danh quản lý khác;</i> e. <i>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</i> g. <i>Họ, tên hoặc thông tin của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</i> h. <i>Các thông tin, tài liệu khác nếu xét thấy có liên quan đến việc xem xét các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.</i>	Chuyển từ điểm g lên. Cụ thể hóa theo quy định của khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty

Sst	Quy chế hiện hành <i>(nghiêng, đậm, gạch ngang là bỏ, bị SED, BS)</i>	Dự thảo Quy chế <i>(nghiêng, đậm là nội dung được SE, BS)</i>	Lý do
9	Điều II. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị [...]	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị [...] <i>(Chỉ tiết xem tại khoản 2 Điều 11 Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT)</i>	Sửa đổi, bổ sung theo các sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty.
10	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị 1- Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng [...] e- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phân; doanh nghiệp mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty làm chủ hoặc cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phân hoặc phần vốn góp trên mười (10)% vốn điều lệ. 2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán và cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phân có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Cập nhật theo điểm a khoản 5 Điều 44 Điều lệ Công ty.
	2. Chưa quy định		Cập nhật theo điểm b 5 Điều 44 Điều lệ Công ty.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đm, gach ngang là bô, bi SED, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịên, đm là nội dung được SED, BS)	Lý do
11	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: [...] b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và lập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: [...] b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Hội đồng quản trị không điều hành còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung, tài liệu, yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty; d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát trong trường hợp Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Cập nhật theo điểm b khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty. Trình bày lại cho rõ ràng, ngắn gọn và phù hợp với Điều lệ Công ty. Cập nhật theo điểm d khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty.
12	Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng Quản	1. Hiện tại, Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị. Thay đó, thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, báo cáo Hội	Cập nhật theo Điều 12 Quy chế NBVQT Công ty và phù hợp với thực tế của Công ty.

Stt	Quy chế hiện hành (nghiêng, đậm, gạch ngang là bỏ, bi SED, BS)	Dự thảo Quy chế (nghiêng, đậm là nội dung được SED, BS)	Lý do
13	trị-quyết-định-có-tối-thiểu-là-(03-người)-bao-gồm-thành-viên-của-Hội-đồng-Quản-trị-và-thành-viên-bên-ngoài. Các-thành-viên-Hội-đồng-Quản-trị-không-điều-hành-nên-chiếm-đa-số-trong-tiêu-ban-và-một-trong-số-các-thành-viên-này-được-bổ-nhiệm-làm-Trưởng-tiêu-ban-theo-Quyết-định-của-Hội-đồng-Quản-trị-Hoạt-động-của-tiêu-ban-phải-tuân-thủ-theo-quy-định-của-Hội-đồng-Quản-trị. Nghị-quyết-của-tiêu-ban-chỉ-có-hiệu-lực-khi-có-đa-số-thành-viên-tham-dự-và-biên-quyết-thông-qua-tại-cuộc-họp-của-tiêu-ban. 2. Việc-thực-thi-Quyết-định-của-Hội-đồng-Quản-trị, hoặc-của-tiêu-ban-trực-thuộc-Hội-đồng-Quản-trị-phải-phù-hợp-với-các-quy-định-pháp-luật-liên-hành-và-quy-định-tại-Điều-lệ-Công-ty, Quy-chế-nội-bộ-về-quản-trị-Công-ty.	đồng quản trị và đề xuất xử lý đối với lĩnh vực được phân công; việc phân công không làm phát sinh quyền điều hành trực tiếp và không thay thế trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Cơ quan điều hành hoặc người đứng đầu đơn vị trong việc tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả. 2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định thành lập các tiêu ban chính thức (như Tiêu ban Kiểm toán nội bộ, Tiêu ban Nhân sự và Lương thưởng) theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty. Quyết định thành lập tiêu ban phải xác định rõ phạm vi nhiệm vụ, thành phần, quy chế hoạt động và cơ chế báo cáo với Hội đồng quản trị.	
	Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị <i>trong trường hợp sau đây</i>: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát <i>hoặc thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành</i>; d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị <i>bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và vấn đề cần bàn</i>: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát; d. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, trong trường hợp cần Hội đồng quản trị họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình tài chính của Công ty.	Cập nhật theo khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịên, đân, gach ngang là bô, bī SF), BS	Dự thảo Quy chế (nghịên, đân là nội dung được SF, BS)	Lý do
	e. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định. 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Bỏ Bỏ 7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ hai nhưng không đủ một nửa (1/2) số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự họp lần thứ hai. Cuộc họp lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Do đã tích hợp vào khoản 3 Điều này. Cập nhật theo khoản 6 Điều 31 Điều lệ Công ty.
14	Điều 16. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng Chưa quy định	1. Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản khi xét thấy cần thiết mà không cần tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, trừ các vấn đề Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty có quy định khác. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi phiếu lấy ý kiến, tài liệu kèm theo đến từng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thông qua hình thức gửi thư bằng con đường bưu chính, gửi fax, thư điện tử (email) hoặc phương tiện	Bổ sung để đa dạng hóa, tạo sự linh hoạt cho việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Stt	Quy chế hiện hành (nghịêng, đăm, gach ngang là bỏ, bi SED, BS)	Dự thảo Quy chế (nghịêng, đăm là nội dung được SED, BS)	Lý do
		diện từ khác báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) đã đăng ký tại Công ty. 3. Phiếu lấy ý kiến phải ghi rõ: nội dung vấn đề cần quyết định; phương án biểu quyết (tán thành/không tán thành/không có ý kiến); thời hạn gửi lại phiếu và địa chỉ nhận phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị in phiếu và/hoặc biểu quyết, ký xác nhận và gửi về Công ty theo địa chỉ ghi trên phiếu lấy ý kiến; thành viên Hội đồng quản trị không gửi lại Phiếu lấy ý kiến về Công ty dùng thời hạn quy định trong Phiếu lấy ý kiến là không tham gia biểu quyết. 4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên). Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; kết quả thông qua và hiệu lực của nghị quyết, quyết định. 5. Nghị quyết, quyết định được thông qua khi được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến bằng văn bản và có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và và phản đối là ngang nhau thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản. 6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo quy định tại khoản 5 Điều này có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.	

Stt	Quy chế hiện hành (<i>nghiêng, đám, gach ngang là bỏ, bị SED, BS</i>)	Dự thảo Quy chế (<i>nghiêng, đám là nội dung được SED, BS</i>)	Lý do
15	Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thẻ ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải <i>lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh</i>, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:	1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và <i>thư ký cuộc họp Hội đồng quản trị</i> có thẻ ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác <i>để đảm bảo tính chính xác nội dung, diễn biến, kết quả cuộc họp</i>. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:	Cập nhật theo khoản 9 Điều 10 Quy chế NBVQT Công ty.



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường, số 313/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026;

Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty (sau đây gọi tắt là "Hội đồng quản trị").

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và Pháp luật khác có liên quan; Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số thành viên, các thành viên có ý kiến khác với đa số được quyền bảo lưu ý kiến của mình bằng văn bản. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước Pháp luật về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

3. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc chia sẻ trách nhiệm, hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm được giao của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, mục tiêu, kế hoạch, ngân sách, chính sách, nguyên tắc, hạn mức và các vấn đề thuộc thẩm quyền; Tổng Giám đốc chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, phân cấp hoặc ủy quyền. Trường hợp vượt hạn mức, ngoài ngân sách hoặc ngoài phạm vi được phân cấp, ủy quyền thì Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trước khi thực hiện.
6. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị, quyết định và giám sát; không trực tiếp thực hiện thay chức năng điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc. Việc Hội đồng quản trị phê duyệt, giám sát, yêu cầu báo cáo, yêu cầu giải trình hoặc đưa ra ý kiến quản trị không làm thay đổi hoặc miễn trừ trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với hoạt động điều hành thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.
7. Không được chia nhỏ dự án, giao dịch, hợp đồng, khoản mua sắm, khoản vay hoặc các nội dung có cùng mục tiêu, cùng đối tượng hoặc có liên quan với nhau thành nhiều phần nhằm thay đổi hoặc né tránh thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Pháp luật có liên quan và Điều 28 Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng trong sáu (06) tháng liên tục có thể bị bãi nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết của Công ty (nếu có) và các công ty, tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành

viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận, tra cứu, truy vấn thông tin, tài liệu, hồ sơ không phụ thuộc vào việc Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành Công ty đã chủ động báo cáo hay chưa và/hoặc yêu cầu Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành Công ty cung cấp thông tin để thực hiện chức trách quản trị, giám sát, bao gồm nhưng không giới hạn ở các lĩnh vực sau:

- a. Tổ chức - nhân sự; đầu tư - tài sản; tài chính - kế toán - vốn; sản xuất - chất lượng - nguyên liệu - tồn kho; thị trường - khách hàng - đơn hàng; phát triển sản phẩm; hợp đồng; công nợ; khiếu nại và các rủi ro trọng yếu của Công ty;
- b. Thông tin về khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng; kế hoạch duy trì, phát triển khách hàng; kế hoạch về kết quả tìm kiếm khách hàng mới; tình hình chào hàng, chạy mẫu, đơn hàng, giá bán, điều kiện thương mại, công nợ, phản hồi, khiếu nại, trả hàng, chế tài/phạt, bồi thường và nguy cơ mất khách hàng.

2. Tổng Giám đốc và/hoặc Cơ quan điều hành hoặc các đơn vị khác của Công ty có nghĩa vụ bao gồm nhưng không giới hạn ở các nghĩa vụ sau:

- a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không được trì hoãn, che giấu, lựa chọn cung cấp một phần thông tin hoặc từ chối cung cấp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty và Pháp luật có quy định khác;
- b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ chủ động báo cáo Hội đồng quản trị về các sự kiện, vấn đề hoặc rủi ro trọng yếu có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính, sản xuất, chất lượng, nguyên liệu, khách hàng, thị trường, nhân sự, tài sản, uy tín hoặc kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- c. Báo cáo, cung cấp thông tin và giải trình về các vấn đề khách liên quan đến hoạt động của Công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tại thời điểm thông qua Quy chế này, số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành như sau:

- a. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05);
- b. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

c. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

5. Trường hợp bầu bổ sung (do tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị) hoặc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế đó bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của thành viên trước đó.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình đời của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền quản lý của công ty mẹ;
4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện tại Điều 6 Quy chế này, khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty và đặc biệt là không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát (theo dõi, kiểm tra) quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Kiến nghị Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Tổng Giám đốc và thay mặt Hội đồng quản trị ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc (nếu có);

- g. Quyền và nghĩa vụ với tư cách Người đại diện theo Pháp luật của Công ty;
- h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên đó giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty và có thể kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty;
- c. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Pháp luật;
- b. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại nghị quyết có hiệu lực của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra các trường hợp trên;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định tại Điều lệ Công ty làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả bầu bổ sung, bầu thay thế) phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị cần phải bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị cần phải bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp không đủ

số lượng thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

4. Việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu kín hoặc ghi phiếu biểu quyết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu **mười** (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; trình độ học vấn; trình độ chuyên môn;
- b. Quá trình công tác;
- c. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên và/hoặc các chức danh quản lý khác;
- d. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- f. Họ, tên hoặc thông tin của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- g. Cam kết của ứng cử viên về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp; cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật; Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông quy định và Quy chế này. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty, bao gồm kế hoạch đầu tư hằng năm và trung hạn, danh mục dự án đầu tư hằng năm và trung hạn; kế hoạch tài chính; mục tiêu sản xuất kinh doanh; định hướng thị trường, khách hàng; kế hoạch duy trì và phát triển khách hàng; định hướng, mục tiêu và kế hoạch phát triển sản phẩm mới trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm theo chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; trừ hai loại trái phiếu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định phát hành các loại trái phiếu khác, tổng giá trị trái phiếu phát hành và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- e. Quyết định mua lại không quá mười (10)% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; quyết định giá cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, duy trì và phát triển khách hàng, tìm kiếm khách hàng mới, phát triển khách hàng mới và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán và các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 44 Điều lệ Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- i. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý, điều hành của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị của công ty khác, quyết định thù lao và quyền lợi khác của những người đó (nếu có); phê duyệt đề Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các chức danh gồm Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc nhà máy, Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương của Công ty; việc Hội đồng quản trị phê duyệt nhân sự do Tổng Giám đốc bổ nhiệm không làm thay đổi trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc phân công, sử dụng, kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của bộ máy điều hành;
- j. Giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt; yêu cầu báo cáo, giải trình và thực hiện biện pháp khắc phục khi phát hiện sai lệch; Hội đồng quản trị không trực tiếp thực hiện thay chức năng điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc; giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty và quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- k. Trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và/hoặc thống nhất của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị quyết định: Cơ cấu tổ chức của Công ty từ cấp phòng/ban, nhà máy trở

lên (bao gồm cả thành lập, tổ chức lại, giải thể); quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty con do Công ty nắm giữ một trăm (100)% vốn điều lệ; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp, cổ phần hoặc bán phần vốn góp, cổ phần tại doanh nghiệp khác;

- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm được trả và quyết định việc tạm ứng cổ tức giữa kỳ; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; phê duyệt hoặc cho ý kiến về các quy chế quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền ban hành của Tổng Giám đốc;
 - q. Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, trong phạm vi thực hiện chức trách, có quyền trực tiếp yêu cầu, tiếp cận, tra cứu và truy vấn các thông tin, hồ sơ, dữ liệu cần thiết của Công ty, bao gồm thông tin về tổ chức - nhân sự, đầu tư - tài sản, tài chính - kế toán, sản xuất - chất lượng - nguyên liệu, thị trường và hoạt động kinh doanh; toàn bộ thông tin liên quan đến khách hàng hiện có; kế hoạch duy trì, phát triển khách hàng và kế hoạch dự kiến của bộ phận kinh doanh về tìm kiếm khách hàng mới; tình hình đơn hàng, giá bán, điều kiện thương mại, công nợ, phản hồi, khiếu nại, trả hàng, phạt, bồi thường và các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ khách hàng hoặc kết quả sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng bộ phận kinh doanh và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời và giải trình theo yêu cầu;
 - r. Hội đồng quản trị có thể phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ của mình bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - s. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và Pháp luật.
3. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết, Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết, Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán, giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty làm chủ hoặc cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười (10)% vốn điều lệ.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán và cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Hội đồng quản trị không điều hành còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung, tài liệu, yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát trong trường hợp Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và/hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hiện tại, Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. Thay đó, thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, báo cáo Hội đồng quản trị và đề xuất xử lý đối với lĩnh vực được phân công; việc phân công không làm phát sinh quyền điều hành trực tiếp và không thay thế trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Cơ quan điều hành hoặc người đứng đầu đơn vị trong việc tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả.

2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định thành lập các tiểu ban chính thức (như Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng) theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty. Quyết định thành lập tiểu ban phải xác định rõ phạm vi nhiệm vụ, thành phần, quy chế hoạt động và cơ chế báo cáo với Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ

trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ để chọn một (01) người thực hiện việc triệu tập và chủ trì họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và vấn đề cần bàn:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, trong trường hợp cần Hội đồng quản trị họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình tài chính của Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng phương thức gửi thư thông qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc phương thức liên lạc khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo thời hạn và phương thức như gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại nếu được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 31 Điều lệ Công ty.

13. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có mặt tán thành; trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham dự biểu quyết tại cuộc họp.

14. Các vấn đề khác liên quan đến cuộc họp của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Pháp luật.

Điều 16. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thông qua Nghị quyết, Quyết định theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản khi xét thấy cần thiết mà không cần tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, trừ các vấn đề Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty có quy định khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi phiếu lấy ý kiến, tài liệu kèm theo đến từng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thông

qua hình thức gửi thư bằng con đường bưu chính, gửi fax, thư điện tử (email) hoặc phương tiện điện tử khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) đã đăng ký tại Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải ghi rõ: nội dung vấn đề cần quyết định; phương án biểu quyết (tán thành/không tán thành/không có ý kiến); thời hạn gửi lại phiếu và địa chỉ nhận phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị in phiếu và/hoặc biểu quyết, ký xác nhận và gửi về Công ty theo địa chỉ ghi trên phiếu lấy ý kiến; thành viên Hội đồng quản trị không gửi lại Phiếu lấy ý kiến về Công ty đúng thời hạn quy định trong Phiếu lấy ý kiến là không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên). Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; kết quả thông qua và hiệu lực của Nghị quyết, Quyết định.

5. Nghị quyết, Quyết định được thông qua khi được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến bằng văn bản và có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối là ngang nhau thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản.

6. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo quy định tại khoản 5 Điều này có giá trị như Nghị quyết, Quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và thư ký cuộc họp Hội đồng quản trị/người ghi biên bản có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác để đảm bảo tính chính xác nội dung, diễn biến, kết quả cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, thư ký cuộc họp/người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý bằng việc ký vào biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh) có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh) thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị (trừ người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị) được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc

khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười (10)% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mỗi quan hệ với Cơ quan điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, mục tiêu, kế hoạch, ngân sách, chính sách, nguyên tắc, hạn mức và ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng Giám đốc và Cơ quan điều hành tổ chức thực hiện; đồng thời kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.
2. Tổng Giám đốc chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày trong phạm vi kế hoạch, ngân sách, chính sách, hạn mức và thẩm quyền được Hội đồng quản trị phê duyệt, phân cấp hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về quyết định điều hành và kết quả thực hiện.
3. Trường hợp vượt hạn mức, ngoài ngân sách, ngoài phạm vi được phân cấp hoặc phát sinh vấn đề trọng yếu có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến Công ty, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo, giải trình và trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền trước khi thực hiện, trừ trường hợp khẩn cấp theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoặc quy chế nội bộ của Công ty.
4. Việc Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát, yêu cầu báo cáo, yêu cầu giải trình, phê duyệt hoặc cho ý kiến quản trị không được hiểu là Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành thay Tổng Giám đốc và không phải là căn cứ để Tổng Giám đốc chuyển giao hoặc miễn trừ trách nhiệm điều hành của mình.

Điều 23. Mỗi quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Những nội dung chưa quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty hoặc theo quy định Pháp luật. Trường hợp quy

định tại Quy chế này khác hoặc trái với quy định tại Điều lệ Công ty thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định Pháp luật hiện hành.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 08 năm 2026. Các quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ban hành trước thời điểm này mặc nhiên hết hiệu lực thi hành.



Phạm Văn Tân



BẢNG THUYẾT MINH

MỘT SỐ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
(Kèm theo Tờ trình số 310/TTr-HDQT ngày 24/08/2026)

STT	Quy chế hiện hành (gạch ngang, nghiêng = bỏ/sửa)	Dự thảo Quy chế (gạch chân, nghiêng = nội dung SD, BS)	Lý do
1	Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 4. Chưa quy định	4. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về những đánh giá, kết luận của mình.	Bổ sung. Mặc dù BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể, đề cao trách nhiệm của từng KSV nhưng đề cao vai trò chỉ đạo, điều hành BKS của Trưởng BKS.
2	Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) Kiểm soát viên có chứng chỉ hành nghề kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên.	Thống nhất cách gọi "Kiểm soát viên" và bổ sung theo khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty.
3	Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác; 2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản	2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty; trong đó có ít nhất một (01) Kiểm soát viên có chứng chỉ hành nghề kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên; 3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác của Công ty ; không được là người có quan hệ gia đình của thành viên Ban kiểm soát	Cập nhật theo điểm b khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty; tạo liên kết với khoản 1 Điều 4 Quy chế này. Cập nhật theo điểm f khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty. Đã ghép khoản 2 cũ vào khoản 3.

STT	Quy chế hiện hành (gạch ngang, nghiêng = bỏ/sửa)	Dự thảo Quy chế (gạch chân, nghiêng = nội dung SD, BS)	Lý do
	lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty. → Bổ	(Kiểm soát viên) của Công ty và người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước của công ty mẹ, người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty;	
4	Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty. 6. Người phụ trách quản trị Công ty: Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người... → Bổ	2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); việc bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số (trên 50%) thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) tán thành. 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Điều lệ Công ty, cụ thể là các quyền, nghĩa vụ sau đây: a. Phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát theo định kỳ hàng quý, hàng năm; b-j. (Chỉ tiết xem Điều 6.3 Dự thảo Quy chế)	Bổ sung cơ chế bầu Trưởng BKS và làm rõ quyền/nghĩa vụ của Trưởng BKS theo pháp luật và Điều lệ Công ty. Điều lệ đã quy định về Người phụ trách quản trị nên bỏ khoản 6 cũ.
5	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử... b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát... còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự mình hoặc góp số cổ phần phổ thông lại với nhau để ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên bầu làm thành viên Ban kiểm soát. 2. Việc đề cử người để bầu làm thành viên Ban kiểm soát thực hiện như sau: Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử ứng cử viên bầu làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty phải thông báo về việc hợp nhóm cho các	Sửa đổi theo Điều 37 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

STT	Quy chế hiện hành (gạch ngang, nghiêng = bỏ/sửa)	Dự thảo Quy chế (gạch chân, nghiêng = nội dung SD, BS)	Lý do
	kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử...	cổ động dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. 3. Trưởng họp số lượng các ứng cử viên đề bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên... phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	
6	Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;	Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ cụ thể sau đây: (Chi tiết xem Điều 11 Dự thảo Quy chế)	Chi tiết hóa các quyền, nghĩa vụ của BKS để thuận tiện cho việc thực hiện.
7	Điều 14. Chương trình hoạt động <i>Chưa quy định</i>	Định kỳ, tháng 01 hàng năm, Trưởng Ban kiểm soát phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hàng quý, hàng năm. Các Kiểm soát viên căn cứ vào chương trình, kế hoạch công tác và nhiệm vụ được phân công để xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công. (Tư duy, các điều dẫn chiếu về sau sẽ được cập nhật)	Bổ sung để phù hợp với quyền của Trưởng BKS, cách thức hoạt động của KSV và nâng cao hiệu quả hoạt động của BKS.
8	Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ. 3. Chưa quy định.	2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành theo thông báo của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền. Thông báo mời họp được gửi đến thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo mời họp phải	Làm rõ cách thức thông báo mời họp; quyền của thành viên HĐQT, TGD khi tham dự họp của BKS; bổ sung nguyên tắc biểu quyết theo nguyên tắc hoạt động tập thể của BKS.

STT	Quy chế hiện hành (gạch ngang, nghiêng = bỏ/sửa)	Dự thảo Quy chế (gạch chân, nghiêng = nội dung SD, BS)	Lý do
		nêu rõ chương trình họp, thời gian họp, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ đưa ra bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự <u>cuộc họp</u> và trả lời các vấn đề cần được làm rõ <u>theo thời gian gửi, cách thức gửi và nội dung</u> <u>Thông báo mời họp cùng các tài liệu kèm theo thực hiện tương tự như trường hợp gửi cho thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên). Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận khi tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát có quyền phát biểu, giải trình các vấn đề theo yêu cầu của Ban kiểm soát nhưng không có quyền biểu quyết.</u> 3. Các quyết định, ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được thông qua bằng cách biểu quyết tuân theo ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) thành viên Ban kiểm soát có mặt. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền. Các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một hoặc một số nội dung tại cuộc họp và có trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu.	

STT	Quy chế hiện hành (gạch ngang, nghiêng = bỏ/sửa)	Dự thảo Quy chế (gạch chân, nghiêng = nội dung SD, BS)	Lý do
9	Điều 21. Mỗi quan hệ với Cơ quan điều hành Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Cơ quan điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành. Chưa quy định thêm.	1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Cơ quan điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành. Bổ sung thêm các khoản 2, 3, 4, 5: (Chỉ tiết xem Điều 21 Dự thảo Quy chế này)	Bổ sung để cụ thể hóa quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
10	Điều 22. Mỗi quan hệ với Hội đồng quản trị Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Chưa quy định thêm.	1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Bổ sung thêm các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9: (Chỉ tiết xem Điều 22 Dự thảo Quy chế này)	Bổ sung để cụ thể hóa quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
11	Chưa quy định	Điều 23. Mối quan hệ với cổ đông 1. Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Điều lệ Công ty. 2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông này.	Bổ sung để cụ thể hóa quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
Ghi chú: Các nội dung bổ sung theo góp ý quản trị tại các mục 12–17 dưới đây được gạch chân tại cột "Dự thảo Quy chế" để thuận tiện rà soát.			
12	Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	Bổ sung khoản 27: Mọi phát hiện, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được theo dõi đến khi hoàn	Thiết lập vòng kiểm soát khép kín: phát hiện – kiến nghị – khắc phục –

STT	Quy chế hiện hành (gạch ngang, nghiêng = bỏ/sửa)	Dự thảo Quy chế (gạch chân, nghiêng = nội dung SD, BS)	Lý do
	Chưa quy định cơ chế theo dõi việc thực hiện kiến nghị đến khi đóng vấn đề.	thành; danh mục theo dõi phải thể hiện vấn đề/tồn tại, mức độ rủi ro, kiến nghị, đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm, thời hạn và tình trạng thực hiện. Trường hợp quá hạn, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Ban kiểm soát báo cáo Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông theo thẩm quyền.	kiểm tra lại – đóng vấn đề/escalate; nâng hiệu lực thực tế của hoạt động kiểm soát.
13	Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát Hiện quy định cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nhưng chưa có thời hạn cụ thể và chế tài quản trị khi chậm/không cung cấp.	Bổ sung khoản 4, 5: Thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên phải được cung cấp trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, trừ trường hợp có yêu cầu khác hoặc cần thời gian tổng hợp; nếu không thể đúng hạn phải giải trình bằng văn bản. Việc không cung cấp, cung cấp không đầy đủ, không chính xác hoặc quá hạn được ghi nhận là vi phạm để tuân thủ và có thể được báo cáo Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông.	Làm rõ thời hạn thực hiện quyền tiếp cận thông tin, tránh khái niệm "kịp thời" khó đo lường và tạo cơ chế xử lý khi quyền thông tin bị cản trở.
14	Điều 14. Chương trình hoạt động Đã quy định kế hoạch kiểm soát quý/năm nhưng chưa xác định nguyên tắc lựa chọn nội dung kiểm soát và đầu ra của từng nhiệm vụ.	Bổ sung: Chương trình, kế hoạch kiểm soát được xây dựng trên cơ sở đánh giá rủi ro, ưu tiên lĩnh vực/giao dịch trọng yếu. Mỗi nhiệm vụ phải xác định phạm vi, đối tượng, hồ sơ/dữ liệu/bảng chứng. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm, thời hạn, phát hiện/kết luận, mức độ rủi ro, kiến nghị, người chịu trách nhiệm khác phục và tình trạng thực hiện.	Chuyển hoạt động BKS từ kiểm tra đàn trải sang kiểm soát dựa trên rủi ro và tạo căn cứ đánh giá trách nhiệm, chất lượng công việc của từng Kiểm soát viên.

STT	Quy chế hiện hành (gạch ngang, nghiêng = bỏ/sửa)	Dự thảo Quy chế (gạch chân, nghiêng = nội dung SD, BS)	Lý do
15	Điều 21. Mối quan hệ với Cơ quan điều hành, khoản 5 "Ban kiểm soát có quyền kiểm tra, xem xét và có ý kiến đối với các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc trước khi ban hành."	Sửa khoản 5 theo hướng: Ban kiểm soát có quyền kiểm tra, xem xét và kiến nghị đối với các quy chế, quy định thuộc thẩm quyền Tổng Giám đốc; chỉ yêu cầu dự thảo đề có ý kiến khi xét thấy có rủi ro trong yếu. Việc BKS có ý kiến không được hiểu là phê duyệt/đồng phê duyệt và không làm thay đổi trách nhiệm của Tổng Giám đốc.	Bảo đảm tính độc lập của BKS, tránh biến BKS thành một khâu phê duyệt trước trong quy trình điều hành và tránh làm mờ trách nhiệm của Tổng Giám đốc.
16	Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị, khoản 6 Đã quy định BKS định kỳ hàng quý thông báo kết quả kiểm soát cho HĐQT nhưng chưa quy định danh mục theo dõi khắc phục.	Bổ sung: Báo cáo quý của BKS kèm "Danh mục vấn đề tồn tại và theo dõi khắc phục", thể hiện nội dung phát hiện, mức độ rủi ro, kiến nghị, đơn vi/cá nhân chịu trách nhiệm, deadline, tình trạng thực hiện và các nội dung quá hạn/chưa hoàn thành.	Giúp HĐQT theo dõi vấn đề theo trạng thái, không chỉ nhận báo cáo phát hiện; tạo cơ chế giám sát việc khắc phục liên tục.
17	Rà soát kỹ thuật tại Điều 8, Điều 11, Điều 15, Điều 21, Điều 22 và Điều 23	Sửa các lỗi kỹ thuật: "thành viên thành viên" → "thành viên"; "bốn mươi tam (48) giờ" → "bốn mươi tám (48) giờ"; "Trường Ban kiểm soát" → "Trường Ban kiểm soát"; "Phòng/Ban chức năng chức năng" → "Phòng/Ban chức năng"; "ngủ" → "người"; "báo cáo" → "báo cáo".	Chuẩn hóa câu chữ, loại bỏ lỗi đánh máy trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường, số 313/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình được giao và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước Pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Trưởng Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về những đánh giá, kết luận của mình.
5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
7. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì người phát hiện phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) Kiểm soát viên có chứng chỉ hành nghề kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên.
2. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh chủ yếu của

Công ty; trong đó có ít nhất một (01) Kiểm soát viên có chứng chỉ hành nghề kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác của Công ty; không được là người có quan hệ gia đình của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) của Công ty và người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước của công ty mẹ, người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty;

4. Không phải là người quản lý, điều hành Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Điều lệ Công ty và Pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); việc bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số (trên 50%) thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) tán thành.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Điều lệ Công ty, cụ thể là các quyền, nghĩa vụ sau đây:

- a. Phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát theo định kỳ hàng quý, hàng năm;
- b. Triệu tập, điều hành các cuộc họp Ban kiểm soát định kỳ và bất thường;
- c. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên (Kiểm soát viên);
- d. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động của Công ty để phục vụ cho công việc của Ban kiểm soát;
- e. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban kiểm soát;
- f. Được phép ủy quyền cho một (01) thành viên (Kiểm soát viên) khác thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
- g. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- h. Thay mặt Ban kiểm soát ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- i. Được quyền tham gia ý kiến đối với các quy chế quản lý nội bộ của Công ty trước khi ban hành;
- j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự mình hoặc gộp số cổ phần phổ thông lại với nhau để ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên bầu làm thành viên Ban kiểm soát.
2. Việc đề cử người để bầu làm thành viên Ban kiểm soát thực hiện như sau: Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử ứng cử viên bầu làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên để bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên để bầu làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) cần bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) cần phải bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên cùng đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát cần phải bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử. Trường hợp không đủ số thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) quy định tại Điều 5 Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Pháp luật;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên bầu làm thành viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên bầu làm Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên bầu làm Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác; bao gồm cả các công ty mà ứng viên nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và/hoặc các chức danh quản lý khác;
- d. Quan hệ của ứng viên với những người có liên quan của Công ty;
- e. Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty hoặc những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ của ứng viên khi được bầu làm thành viên Ban kiểm soát (nếu cần thiết);
- g. Các thông tin, tài liệu khác nếu xét thấy có liên quan đến việc xem xét các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên bầu làm thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ cụ thể sau đây:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty;
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông;
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông;
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 15 Điều lệ Công ty;
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty;

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữ kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Công ty;

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ Pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động của Công ty;

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

25. Ban kiểm soát được quyền sử dụng con dấu của Công ty trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

26. Mọi phát hiện, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được theo dõi đến khi hoàn thành. Nội dung theo dõi tối thiểu gồm: vấn đề/tồn tại được phát hiện, mức độ rủi ro, kiến nghị xử lý, đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm khắc phục, thời hạn hoàn thành và tình trạng thực hiện. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả khắc phục; trường hợp quá hạn, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì báo cáo Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông theo thẩm quyền;

27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, Quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày khi Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Hội đồng quản trị không điều hành còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty;
- c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Chương trình hoạt động

1. Định kỳ, tháng 01 hàng năm, Trưởng Ban kiểm soát phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hàng quý, hàng năm. Các Kiểm soát viên căn cứ vào chương trình, kế hoạch công tác và nhiệm vụ được phân công để xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá rủi ro, ưu tiên các lĩnh vực và giao dịch trọng yếu của Công ty. Mỗi nhiệm vụ kiểm soát phải xác định tối thiểu: phạm vi và đối tượng kiểm soát; hồ sơ, dữ liệu và bằng chứng cần thu thập; Kiểm soát viên chịu trách nhiệm; thời hạn thực hiện; phát hiện/kết luận; mức độ rủi ro; kiến nghị; đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm khắc phục; thời hạn và tình trạng thực hiện kiến nghị.

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một (01) năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành theo thông báo của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền. Thông báo mời họp được gửi đến thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo mời họp phải nêu rõ chương trình họp, thời gian họp, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ đưa ra bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp.

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ theo thời gian gửi, cách thức gửi và nội dung Thông báo mời họp cùng các tài liệu kèm theo thực hiện tương tự như trường hợp gửi cho thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên). Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận khi tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát có quyền phát biểu, giải trình các vấn đề theo yêu cầu của Ban kiểm soát nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Các quyết định, ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được thông qua bằng cách biểu quyết tuân theo ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) thành viên Ban kiểm soát có mặt. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền. Các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một hoặc một số nội dung tại cuộc họp và có trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).

CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Ban kiểm soát phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên các nội dung, báo cáo sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có);
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty;
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười (10)% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của Pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).

Điều 21. Mối quan hệ với Cơ quan điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Cơ quan điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành.
2. Kiểm soát viên được quyền tham dự các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của Cơ quan điều hành; các hội nghị, hội thảo của Công ty có nội dung liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát.
3. Các báo cáo, tờ trình của Cơ quan điều hành gửi Hội đồng quản trị đồng thời phải được gửi cho Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các Phòng/Ban chức năng cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
5. Ban kiểm soát có quyền kiểm tra, xem xét và kiến nghị đối với các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc. Trường hợp xét thấy có rủi ro trọng yếu về tuân thủ, tài chính, kiểm soát nội bộ hoặc quản trị rủi ro, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu được cung cấp dự thảo để xem xét, có ý kiến. Việc Ban kiểm soát xem xét, có ý kiến hoặc kiến nghị không được hiểu là phê duyệt, đồng phê duyệt và không làm thay đổi trách nhiệm ban hành, tổ chức thực hiện của Tổng Giám đốc.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo được gửi cho thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo thời hạn, cách thức và nội dung tương tự như gửi cho thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) được quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với ý kiến của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) có quyền được bảo lưu ý kiến và đề nghị ghi ý kiến bảo lưu vào biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho Ban kiểm soát theo thời hạn, cách thức tương tự như gửi cho thành viên Hội đồng quản trị.
5. Ban kiểm soát lập chương trình, kế hoạch công tác theo quy định tại Điều 14 Quy chế này và thông báo cho Hội đồng quản trị biết trước khi thực hiện.
6. Ban kiểm soát định kỳ hàng quý thông báo kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị. Báo cáo quý phải kèm Danh mục vấn đề tồn tại và theo dõi khắc phục, trong đó thể hiện tối thiểu: nội dung phát hiện, mức độ rủi ro, kiến nghị, đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành, tình trạng thực hiện và các nội dung quá hạn/chưa hoàn thành.
7. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý, điều hành thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Các báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty, báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên thông qua phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất mười lăm (15) ngày để thẩm định.
9. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 23. Mối quan hệ với cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông này.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Những nội dung chưa được đề cập tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định Pháp luật có liên quan. Trường hợp quy định tại Quy chế này khác hoặc trái với Điều lệ Công ty thì áp dụng quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài bao gồm 07 chương, 24 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2026 và thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2021.
3. Việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Trần Thị Thu Hằng

